

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LỚP 10C1

NĂM HỌC: 2024-2025

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
THPT CHU VĂN AN

Xã (phường, thị trấn): Thị trấn Cần Đức

Huyện (quận, TX, TP thuộc tỉnh): Huyện Cần Đức

Tỉnh(thành phố): Tỉnh Long An

Lớp 10C1 Năm học: 2024-2025

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hiệu trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Trương Đăng Khoa

Nguyễn Minh Triều

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) được quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
2. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) do nhà trường quản lý và sử dụng.
3. Giáo viên môn học trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) đầy đủ các thông tin cần thiết của môn học do giáo viên phụ trách, khớp với các thông tin trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học. Trường hợp có nhiều giáo viên cùng tham gia dạy học thì các giáo viên môn học cùng kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học.

Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) những thông tin thuộc nhiệm vụ quy định cho giáo viên chủ nhiệm lớp.
4. Không ghi bằng mực đỏ (trừ trường hợp sửa chữa), các loại mực có thể tẩy xóa được; việc ghi Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) phải cập nhật đúng tiến độ thời gian theo kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn và bảo quản, giữ gìn cẩn thận, sạch sẽ.
5. Khi sửa chữa dùng bút đỏ gạch ngang nội dung cũ, ghi nội dung mới vào phía trên bên phải vị trí ghi nội dung cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa ở ngay cạnh hoặc ở cột Ghi chú.
6. Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học chỉ cung cấp các thông tin về kết quả rèn luyện và học tập của học sinh trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) cho riêng từng học sinh hoặc cha mẹ học sinh.

SƠ YẾU LÝ LỊCH HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Nam/ Nữ	Đối tượng ưu tiên	Địa chỉ gia đình
1	Nguyễn Thị Lan Anh	21/12/2009	Bệnh viện Từ Dũ (TP. Hồ Chí Minh)	Kinh	Nữ		Ấp 5, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	17/05/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		ấp 6
3	Nguyễn Ngọc Trân Châu	07/02/2009	Bệnh viện Đa Khoa huyện Cần Đức	Kinh	Nữ		Ấp 2 Phước Đông, Cần Đức
4	Lê Thị Thùy Dương	11/03/2009	Bệnh viện Hùng Vương, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Cầu Xây Xã Tân Lâm Huyện Cần Đức
5	Nguyễn Thị Thùy Dương	29/08/2009	BV Từ Dũ-TPHCM	Kinh	Nữ		Ấp Tân Mỹ Xã Mỹ Lệ Huyện Cần Đức
6	Phạm Minh Giang	15/07/2009	Huyện Cần Đức, Long An	Kinh	Nam		Ấp 2
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	16/11/2009	Bệnh viện Quân 11 - TP Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 1 xã Phước Đông huyện Cần Đức tỉnh Long An
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	02/07/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Đông Trung, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
9	Trần Thị Ngọc Hân	20/08/2009	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, Bến Tre	Kinh	Nữ		Ấp 5, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
10	Trần Quan Hậu	06/03/2009	Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 2, Xã Tân An, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	26/08/2009	Bệnh viện đa khoa Khu vực Cần Giuộc	Kinh	Nam		Ấp Rạch Bọng xã Tân Lâm huyện Cần Đức
12	Nguyễn Thiên Huy	11/09/2009	Bệnh viện Hùng Vương - Tp HCM	Kinh	Nam		Ấp Bà Nghĩa, xã Tân Chánh, huyện cần Đức, tỉnh Long An
13	Nguyễn Hoàng Kha	10/12/2009	bệnh viện đa khoa Cần Đức	Kinh	Nam		ấp 4 xã Phước đông huyện Cần Đức tỉnh Long An
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	09/09/2009	Bệnh viện Từ Dũ - Tp HCM	Kinh	Nam		Ấp Bà Nghĩa, xã Tân Chánh, huyện cần Đức, tỉnh Long An
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	08/07/2009	Bệnh viện Cần Đức	Kinh	Nữ		Ấp Nhà Thờ Xã Tân Lâm Huyện Cần Đức
16	Phan Thị Trúc Linh	06/09/2008	BV Đa Khoa huyện Cần Đức tỉnh Long An	Kinh	Nữ		ấp 2, xã Phước Đông huyện Cần Đức, tỉnh Long An
17	Nguyễn Chiến Long	08/01/2009	Bệnh viện Từ Dũ	Kinh	Nam		Khu 1A, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An
18	Nguyễn Nhật Long	22/04/2009	Bệnh viện đa khoa Cần Đức	Kinh	Nam		Ấp Ấp 7 Xã Phước Tuy Huyện Cần Đức
19	Nguyễn Kim Ngân	19/12/2009	BV Hùng Vương-Tp.Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		ấp 4, xã Phước Đông huyện Cần Đức, tỉnh Long An
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	01/01/2009	Hùng Vương, TP.Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		152, tổ 2, khu 8, Thị trấn Cần Đức, Huyện Cần Đức, Long An
21	Bùi Hồng Ngọc	31/07/2009	Bệnh viện Cần Giuộc	Kinh	Nữ		Ấp Xóm Mới Xã Tân Lâm Huyện Cần Đức tỉnh Long An
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	18/12/2009	Huyện Ba Tri, Bến Tre	Kinh	Nữ		Ấp 1
23	Trần Trí Nhân	21/10/2008	Bạc Liêu	Kinh	Nam		
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	26/01/2009	BV Đa Khoa huyện Cần Đức, tỉnh Long An	Kinh	Nữ		ấp 1, xã Phước Đông huyện Cần Đức, tỉnh Long An
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	13/10/2009	Huyện Cần Đức, Long An	Kinh	Nữ		24, ấp 3, Xã Phước Tuy, Huyện Cần Đức, Long An
26	Lê Chí Tài	29/09/2009	Bệnh viện Cần Giuộc	Kinh	Nam		Ấp Rạch Bọng Xã Tân Lâm Huyện Cần Đức
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	19/04/2009	Tỉnh Long An	Kinh	Nam		Ấp Đông Trung - Xã Tân Chánh - Huyện Cần Đức - Tỉnh Long An
28	Lương Thị Hồng Thảo	27/09/2009	Thành Phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Đình - Xã Tân Chánh - Huyện Cần Đức - Tỉnh Long An
29	Trình Gia Thiệu	21/12/2009	Bệnh viện đa khoa Khu vực Cần Giuộc	Kinh	Nam		Ấp Rạch Bọng Xã Tân Lâm Huyện Cần Đức
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	19/08/2009	Bệnh viện Hùng Vương, TP.Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		khu 3, thị trấn Cần Đức
31	Nguyễn Hữu Tiến	06/08/2009	Huyện Cần Đức, Long An	Kinh	Nam		ấp 7
32	Trần Trường Tiến	13/02/2009	Bệnh Viện Đa Khoa huyện Cần Đức, tỉnh Long An	Kinh	Nam		Ấp 2 xã Phước Đông huyện Cần Đức tỉnh Long An
33	Kiều Huê Trâm	31/01/2009	Bệnh viện Đa Khoa Cần Đức	Kinh	Nữ		
34	Đặng Văn Hữu Trọng	16/02/2009	Từ Dũ- TPHCM	Kinh	Nam		Khu 3- TT
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	23/03/2009	Cần Đức, Long An	Kinh	Nữ		Ấp 4 , xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	26/08/2009	Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		66, khu 7, Thị trấn Cần Đức, Huyện Cần Đức, Long An
37	Lê Quốc Tuấn	02/07/2009	Tỉnh Long An	Kinh	Nam		Ấp Đông Trung - Xã Tân Chánh - Huyện Cần Đức - Tỉnh Long An
38	Phan Thanh Tuấn	13/12/2009	Bệnh viện Hùng Vương - TP Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Khu 7, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	16/11/2008	Thành Phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Đông Nhất - Xã Tân Chánh - Huyện Cần Đức - Tỉnh Long An
40	Phạm Tiến Vươn	06/01/2009	Bảo sanh Rạch Kiến	Kinh	Nam		Ấp Ao Gòn Xã Tân Lâm Huyện Cần Đức
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	01/01/2009	Bệnh viện Cần Đức	Kinh	Nữ		Khu phố 2
42	Nguyễn Thúy Vy	17/11/2009	Bệnh viện Từ Dũ- TP. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 7, xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
43	Tôn Nguyễn Thúy Vy	27/10/2009	Bệnh viện Hùng Vương	Kinh	Nữ		Ấp Nhà Dài Xã Tân Lâm Huyện Cần Đức
44	Nguyễn Lê Tường Vy	23/04/2009	bệnh viện Long Xuyên, An Giang	Kinh	Nữ		Ấp 1
45	Nguyễn Cao Như Ý	12/08/2009	Bệnh viện Cần Đức	Kinh	Nữ		Ấp Ao Gòn Xã Tân Lâm Huyện Cần Đức
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	26/09/2009	bệnh viện đa khoa tỉnh Long An	Kinh	Nữ		Ấp 4 , Xã Tân Ân, Huyện Cần Đức, Long An

Số TT	Họ và tên cha, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Họ và tên mẹ, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Những thay đổi cần chú ý trong năm học (gia đình, sức khỏe, nơi ở ...)
1		Trần Thị Loan - Nội trợ	
2	Phan Thanh Vinh - tài xế	Lê Thị Thúy - Công nhân	
3	Nguyễn Tấn Phát - Bảo vệ	Nguyễn Thị Kim Tơ - Buôn bán	
4	Lê Hải Long - Thợ hồ	Lê Thị Lệ Hằng - Công nhân	
5	Nguyễn Thanh Sơn - Làm ruộng	Trần Thị Nhung - Làm ruộng	
6	Phạm Minh Chánh - tài công	Đỗ Thị Bé Liên - Công nhân	
7	Phạm Thanh Sang - Buôn bán	Nguyễn Thị Thu Hồng - Nội trợ	
8	Nguyễn Văn Linh Anh -	Lưu Thị Thúy Vân -	
9	Trần Văn Riêng - Công nhân	Trần Thị Nguyễn - Công nhân	
10	Trần Quan Tiến - Công nhân	Nguyễn Thị Thu Vân - Buôn bán	
11	Nguyễn Hoàng Sang - Lao động tự do	Trịnh Thị Oanh - Công nhân	
12	Nguyễn Văn Tuấn -	Nguyễn Thị Lệ Thu -	
13	Nguyễn Văn Hai - sửa xe	Hồ Kim Trọn - buôn bán	
14	Nguyễn Văn Lâm -	Võ Thị Ngọc Hương -	
15	Huỳnh Văn Minh Phương - Làm ruộng	Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Công nhân	
16	Phan Hữu Triệu - Làm ruộng	Nguyễn Thị Quế - Làm ruộng	
17	Cao Văn Chiến - Công nhân	Nguyễn Thị Ngọc Hương - Nội trợ	
18	Nguyễn Phước Hải - Công nhân	Võ Thị Ngọc Thụy - Công nhân	
19		Nguyễn Thị Thanh Kiều - Công nhân	
20	Phan Bá Ngã - Xây dựng	Nguyễn Thị Tuyết - Nội trợ	
21	Không có cha -	Bùi Thị Bé Tám - Nội trợ	
22	Lưu Minh Tuấn - Tài xế	Nguyễn Thị Ngọc Pha - Công nhân	
23	Trần Văn Doanh - Công nhân	Đàm Thị Hải Yến - Buôn bán	
24	Võ Văn Út - Thợ điện	Nguyễn Thị Thu Cúc - Công nhân	
25	Nguyễn Hồng Nhân - Công nhân	Trần Thị Xuân Phú - Công nhân	
26	Lê Minh Tâm - Thợ hồ	Võ Thị Ngọc Hạnh - Công nhân	
27	Trần Công Tuấn -	Nguyễn Thị Nga -	
28	Lương Thành Danh -	Tạ Thị Hồng Châu -	
29	Trịnh Văn Ghê - Thợ hồ	Nguyễn Thị Kiều Trang - Công nhân	
30	Lê Thành Tâm - Tài xế	Nguyễn Phạm Xuân Kiều - Công nhân	
31	Nguyễn Hữu Tiền - Thợ hồ	Nguyễn Thị Kim Cương - Công nhân	
32	Trần Trường Chinh - Thợ hồ	Nguyễn Thị Minh Thu - Nội trợ	
33	Kiều Tấn Thịnh - Thợ hồ	Lê Thị Kim Tuyên - Nội trợ	
34	Đặng Hữu Đức - Chở cá	Nguyễn Thị Phùng Loan - Bán cá	
35	Nguyễn Văn Hòa - Làm ruộng	Nguyễn Thị Lệ - Làm ruộng	
36	Huỳnh Văn Em - Lao động tự do	Nguyễn Thị Nang - nội trợ	
37	Lê Thanh Dũng -	Nguyễn Thị Huỳnh Trang -	
38	Phan Thanh Dương - Làm hồ	Nguyễn Thị Trầm - Công nhân	
39	Nguyễn Tuấn Linh -	Huỳnh Thị Huyền Châu -	
40	Phạm Văn Út - Buôn bán	Bùi Thị Kim Oanh - Buôn bán	
41	Nguyễn Văn Năm - Làm ruộng	Ngô Thúy Kiều - Làm ruộng	
42	Nguyễn Tấn Đạt - Lao động tự do	Trà Thị Kim Ngọc - Lao động tự do	
43	Tôn Chí Tâm - Công nhân	Nguyễn Thị Loan - Công nhân	
44	Nguyễn Hoàng Giang - lái xe	Lê Đặng Thị Mỹ Phương - Nội trợ	
45	Nguyễn Văn Minh - Thợ hồ	Cao Thị Tài Linh - Nội trợ	
46	Nguyễn Hữu Phi - Mát	Nguyễn Thị Thùy Dương - Công nhân	

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2		TS	P	K
1	Nguyễn Thị Lan Anh																																	0	0	0
2	Phan Hoàng Thiên Bảo																																	0	0	0
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu																																	0	0	0
4	Lê Thị Thùy Dương																																	0	0	0
5	Nguyễn Thị Thùy Dương																																	0	0	0
6	Phạm Minh Giang																									P							1	1	0	
7	Phạm Thị Ngọc Giàu																																	0	0	0
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà																																	0	0	0
9	Trần Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
10	Trần Quan Hậu																																	0	0	0
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy																																	0	0	0
12	Nguyễn Thiên Huy																																	0	0	0
13	Nguyễn Hoàng Kha																			P													1	1	0	
14	Nguyễn Văn Quý Khoa																																	0	0	0
15	Huỳnh Thị Trúc Linh																		P														1	1	0	
16	Phan Thị Trúc Linh																																	0	0	0
17	Nguyễn Chiến Long																									P							1	1	0	
18	Nguyễn Nhật Long																																	0	0	0
19	Nguyễn Kim Ngân																			P													1	1	0	
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân																																	0	0	0
21	Bùi Hồng Ngọc																																	0	0	0
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc																																	0	0	0
23	Trần Trí Nhân																																	0	0	0
24	Võ Nguyễn Yến Nhi																																	0	0	0
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh																																	0	0	0
26	Lê Chí Tài																																	0	0	0
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài												P							P													2	2	0	
28	Lương Thị Hồng Thảo					P																												1	1	0
29	Trịnh Gia Thiệu																																	0	0	0
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên																																	0	0	0
31	Nguyễn Hữu Tiến																																	0	0	0
32	Trần Trường Tiên																																	0	0	0
33	Kiều Huế Trâm																																	0	0	0
34	Đặng Văn Hữu Trọng																																	0	0	0
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc																																	0	0	0
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú																		P														1	1	0	
37	Lê Quốc Tuấn																																	0	0	0
38	Phan Thanh Tuấn																																	0	0	0
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền																																	0	0	0
40	Phạm Tiến Vươn																																	0	0	0
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy																																	0	0	0
42	Nguyễn Thủy Vy																																	0	0	0
43	Tôn Nguyễn Thủy Vy																																	0	0	0
44	Nguyễn Lê Tường Vy																		P														1	1	0	
45	Nguyễn Cao Như Ý																																	0	0	0
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	2	1	3	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	10	10	0	

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	TS	P	K
1	Nguyễn Thị Lan Anh																																0	0	0	
2	Phan Hoàng Thiên Bảo																																0	0	0	
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu																																0	0	0	
4	Lê Thị Thùy Dương																					P											1	1	0	
5	Nguyễn Thị Thùy Dương																																0	0	0	
6	Phạm Minh Giang																																0	0	0	
7	Phạm Thị Ngọc Giàu																																0	0	0	
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà																																0	0	0	
9	Trần Thị Ngọc Hân																																0	0	0	
10	Trần Quan Hậu																																0	0	0	
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy																																0	0	0	
12	Nguyễn Thiên Huy																																0	0	0	
13	Nguyễn Hoàng Kha																																0	0	0	
14	Nguyễn Văn Quý Khoa																																0	0	0	
15	Huỳnh Thị Trúc Linh																																0	0	0	
16	Phan Thị Trúc Linh																																0	0	0	
17	Nguyễn Chiến Long																																0	0	0	
18	Nguyễn Nhật Long																																0	0	0	
19	Nguyễn Kim Ngân						P																										1	1	0	
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân																																0	0	0	
21	Bùi Hồng Ngọc																																0	0	0	
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc																																0	0	0	
23	Trần Trí Nhân																																0	0	0	
24	Võ Nguyễn Yến Nhi																																0	0	0	
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh																																0	0	0	
26	Lê Chí Tài																																0	0	0	
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài																																0	0	0	
28	Lương Thị Hồng Thảo						P																										1	1	0	
29	Trịnh Gia Thiệu																																0	0	0	
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên																			P													1	1	0	
31	Nguyễn Hữu Tiến																																0	0	0	
32	Trần Trường Tiến																																0	0	0	
33	Kiều Huê Trâm																																0	0	0	
34	Đặng Văn Hữu Trọng																																0	0	0	
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc																																0	0	0	
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú																							P									1	1	0	
37	Lê Quốc Tuấn																																0	0	0	
38	Phan Thanh Tuấn																																0	0	0	
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền																																0	0	0	
40	Phạm Tiến Vươn																																0	0	0	
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy																																0	0	0	
42	Nguyễn Thúy Vy																																0	0	0	
43	Tôn Nguyễn Thúy Vy																																0	0	0	
44	Nguyễn Lê Tường Vy																P																1	1	0	
45	Nguyễn Cao Như Ý																																0	0	0	
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến																																0	0	0	
	Tổng số		0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	6	0

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7		TS	P	K
1	Nguyễn Thị Lan Anh																																	0	0	0
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	P																																1	1	0
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu																																	0	0	0
4	Lê Thị Thùy Dương																																	0	0	0
5	Nguyễn Thị Thùy Dương																																	0	0	0
6	Phạm Minh Giang																																	0	0	0
7	Phạm Thị Ngọc Giàu																																	0	0	0
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà																																	0	0	0
9	Trần Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
10	Trần Quan Hậu																																	0	0	0
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy																																	0	0	0
12	Nguyễn Thiên Huy																																	0	0	0
13	Nguyễn Hoàng Kha																																	0	0	0
14	Nguyễn Văn Quý Khoa																																	0	0	0
15	Huỳnh Thị Trúc Linh																																	0	0	0
16	Phan Thị Trúc Linh																																	0	0	0
17	Nguyễn Chiến Long																																	0	0	0
18	Nguyễn Nhật Long																																	0	0	0
19	Nguyễn Kim Ngân																			P		P											2	2	0	
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân																																	0	0	0
21	Bùi Hồng Ngọc																																	0	0	0
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc																																	0	0	0
23	Trần Trí Nhân																																	0	0	0
24	Võ Nguyễn Yến Nhi																																	0	0	0
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh																																	0	0	0
26	Lê Chí Tài																																	0	0	0
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài																																	0	0	0
28	Lương Thị Hồng Thảo																																	0	0	0
29	Trịnh Gia Thiệu																																	0	0	0
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên																																	0	0	0
31	Nguyễn Hữu Tiến																																	0	0	0
32	Trần Trường Tiến																																	0	0	0
33	Kiều Huế Trâm																																	0	0	0
34	Đặng Văn Hữu Trọng																										P	P						2	2	0
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc																			P	P												2	2	0	
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú																																	0	0	0
37	Lê Quốc Tuấn																																	0	0	0
38	Phan Thanh Tuấn																																	0	0	0
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền																																	0	0	0
40	Phạm Tiến Vươn																																	0	0	0
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy																			P	P												2	2	0	
42	Nguyễn Thủy Vy																					P											1	1	0	
43	Tôn Nguyễn Thủy Vy																																	0	0	0
44	Nguyễn Lê Tường Vy																																	0	0	0
45	Nguyễn Cao Như Ý																																	0	0	0
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến																																	0	0	0
	Tổng số		1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	2	2	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0		10	10	0

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Nguyễn Trương Đăng Khoa	Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	TS	P	K
1	Nguyễn Thị Lan Anh							P																										1	1	0
2	Phan Hoàng Thiên Bảo																																	0	0	0
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu																																	0	0	0
4	Lê Thị Thùy Dương																																	0	0	0
5	Nguyễn Thị Thùy Dương																																	0	0	0
6	Phạm Minh Giang																																	0	0	0
7	Phạm Thị Ngọc Giàu																				P												1	1	0	
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà																																	0	0	0
9	Trần Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
10	Trần Quan Hậu																																	0	0	0
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy																																	0	0	0
12	Nguyễn Thiên Huy																																	0	0	0
13	Nguyễn Hoàng Kha																																	0	0	0
14	Nguyễn Văn Quý Khoa																																	0	0	0
15	Huỳnh Thị Trúc Linh																																	0	0	0
16	Phan Thị Trúc Linh													P																			1	1	0	
17	Nguyễn Chiến Long																																	0	0	0
18	Nguyễn Nhật Long																																	0	0	0
19	Nguyễn Kim Ngân							P									P																2	2	0	
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân																																	0	0	0
21	Bùi Hồng Ngọc														P																		1	1	0	
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc																																	0	0	0
23	Trần Trí Nhân																																	0	0	0
24	Võ Nguyễn Yến Nhi							P									P																2	2	0	
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh																																	0	0	0
26	Lê Chí Tài																																	0	0	0
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài																																	0	0	0
28	Lương Thị Hồng Thảo																																	0	0	0
29	Trịnh Gia Thiệu																																	0	0	0
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên																																	0	0	0
31	Nguyễn Hữu Tiến																																	0	0	0
32	Trần Trường Tiến																																	0	0	0
33	Kiều Huế Trâm																																	0	0	0
34	Đặng Văn Hữu Trọng																																	0	0	0
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc																																	0	0	0
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú																																	0	0	0
37	Lê Quốc Tuấn																																	0	0	0
38	Phan Thanh Tuấn																																	0	0	0
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền										P																							1	1	0
40	Phạm Tiến Vươn																																	0	0	0
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy																																	0	0	0
42	Nguyễn Thủy Vy																																	0	0	0
43	Tôn Nguyễn Thủy Vy																																	0	0	0
44	Nguyễn Lê Tường Vy																																	0	0	0
45	Nguyễn Cao Như Ý																																	0	0	0
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến														P																			1	1	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	3	0	0	1	0	0	0	2	1	2	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10	10	0

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6				TS	P	K
1	Nguyễn Thị Lan Anh									P																								1	1	0
2	Phan Hoàng Thiên Bảo																																	0	0	0
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu																																	0	0	0
4	Lê Thị Thùy Dương																																	0	0	0
5	Nguyễn Thị Thùy Dương																																	0	0	0
6	Phạm Minh Giang																																	0	0	0
7	Phạm Thị Ngọc Giàu																																	0	0	0
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà																																	0	0	0
9	Trần Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
10	Trần Quan Hậu																																	0	0	0
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy																																	0	0	0
12	Nguyễn Thiên Huy																																	0	0	0
13	Nguyễn Hoàng Kha																																	0	0	0
14	Nguyễn Văn Quý Khoa																																	0	0	0
15	Huỳnh Thị Trúc Linh																												P					1	1	0
16	Phan Thị Trúc Linh																																	0	0	0
17	Nguyễn Chiến Long																																	0	0	0
18	Nguyễn Nhật Long																																	0	0	0
19	Nguyễn Kim Ngân									P																								1	1	0
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân																																	0	0	0
21	Bùi Hồng Ngọc																																	0	0	0
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc																																	0	0	0
23	Trần Trí Nhân								P																				P					2	2	0
24	Võ Nguyễn Yến Nhi									P											P									P				3	3	0
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh																																	0	0	0
26	Lê Chi Tài																																	0	0	0
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài																																	0	0	0
28	Lương Thị Hồng Thảo																																	0	0	0
29	Trịnh Gia Thiệu																																	0	0	0
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên																		P															1	1	0
31	Nguyễn Hữu Tiên																																	0	0	0
32	Trần Trường Tiến																																	0	0	0
33	Kiều Huế Trâm																																	0	0	0
34	Đặng Văn Hữu Trọng									P																								1	1	0
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc																																	0	0	0
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú											P	P																					2	2	0
37	Lê Quốc Tuấn																																	0	0	0
38	Phan Thanh Tuấn																																	0	0	0
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền																	P																1	1	0
40	Phạm Tiến Vươn																																	0	0	0
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy																																	0	0	0
42	Nguyễn Thúy Vy																				P													1	1	0
43	Tôn Nguyễn Thúy Vy																																	0	0	0
44	Nguyễn Lê Tường Vy				P					P													P											3	3	0
45	Nguyễn Cao Như Ý																																	0	0	0
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	1	0	0	0	3	3	0	1	1	0	0	0	1	0	1	0	1	1	0	1	0	0	0	0	2	1				17	17	0

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	TS	P	K
1	Nguyễn Thị Lan Anh																																	0	0	0
2	Phan Hoàng Thiên Bảo																																	0	0	0
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu																																	0	0	0
4	Lê Thị Thùy Dương																																	0	0	0
5	Nguyễn Thị Thùy Dương																																	0	0	0
6	Phạm Minh Giang																																	0	0	0
7	Phạm Thị Ngọc Giàu																																	0	0	0
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà																																	0	0	0
9	Trần Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
10	Trần Quan Hậu																																	0	0	0
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy																																	0	0	0
12	Nguyễn Thiên Huy																																	0	0	0
13	Nguyễn Hoàng Kha																																	0	0	0
14	Nguyễn Văn Quý Khoa																																	0	0	0
15	Huỳnh Thị Trúc Linh																									P							1	1	0	
16	Phan Thị Trúc Linh																																	0	0	0
17	Nguyễn Chiến Long																																	0	0	0
18	Nguyễn Nhật Long																																	0	0	0
19	Nguyễn Kim Ngân																																	0	0	0
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân														P	P	P	P	P														6	6	0	
21	Bùi Hồng Ngọc																																	0	0	0
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc																																	0	0	0
23	Trần Trí Nhân																																	0	0	0
24	Võ Nguyễn Yến Nhi																P															P	2	2	0	
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh											P																					1	1	0	
26	Lê Chí Tài																																	0	0	0
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài																																	0	0	0
28	Lương Thị Hồng Thảo																																	0	0	0
29	Trịnh Gia Thiệu																																	0	0	0
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên																																	0	0	0
31	Nguyễn Hữu Tiến																																	0	0	0
32	Trần Trường Tiến																																	0	0	0
33	Kiều Huế Trâm																																	0	0	0
34	Đặng Văn Hữu Trọng																																	0	0	0
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc																																	0	0	0
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú																																	0	0	0
37	Lê Quốc Tuấn																																	0	0	0
38	Phan Thanh Tuấn																																	0	0	0
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền																																	0	0	0
40	Phạm Tiến Vươn																																	0	0	0
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy														P	P	P	P	P														6	6	0	
42	Nguyễn Thủy Vy																P																1	1	0	
43	Tôn Nguyễn Thủy Vy																																	0	0	0
44	Nguyễn Lê Tường Vy												P																				1	1	0	
45	Nguyễn Cao Như Ý																																	0	0	0
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến				P	P	P	P																									4	4	0	
	Tổng số		0	0	2	2	0	0	0	0	0	1	1	0	4	4	6	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	22	22	0

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triết

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	TS	P	K
1	Nguyễn Thị Lan Anh																																	0	0	0
2	Phan Hoàng Thiên Bảo																																	0	0	0
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu																																	0	0	0
4	Lê Thị Thùy Dương																																	0	0	0
5	Nguyễn Thị Thùy Dương																																	0	0	0
6	Phạm Minh Giang																																	0	0	0
7	Phạm Thị Ngọc Giàu																																	0	0	0
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà																																	0	0	0
9	Trần Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
10	Trần Quan Hậu																																	0	0	0
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy																																	0	0	0
12	Nguyễn Thiên Huy																																	0	0	0
13	Nguyễn Hoàng Kha																																	0	0	0
14	Nguyễn Văn Quý Khoa															P																	1	1	0	
15	Huỳnh Thị Trúc Linh																																	0	0	0
16	Phan Thị Trúc Linh																																	0	0	0
17	Nguyễn Chiến Long																																	0	0	0
18	Nguyễn Nhật Long																																	0	0	0
19	Nguyễn Kim Ngân																																	0	0	0
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân																																	0	0	0
21	Bùi Hồng Ngọc																P																1	1	0	
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc																																	0	0	0
23	Trần Trí Nhân																																	0	0	0
24	Võ Nguyễn Yến Nhi																																	0	0	0
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh																																	0	0	0
26	Lê Chí Tài																																	0	0	0
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài																																	0	0	0
28	Lương Thị Hồng Thảo																																	0	0	0
29	Trịnh Gia Thiệu																																	0	0	0
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên																																	0	0	0
31	Nguyễn Hữu Tiến																																	0	0	0
32	Trần Trường Tiến																																	0	0	0
33	Kiều Huế Trâm																																	0	0	0
34	Đặng Văn Hữu Trọng																																	0	0	0
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc																																	0	0	0
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú																																	0	0	0
37	Lê Quốc Tuấn																																	0	0	0
38	Phan Thanh Tuấn																																	0	0	0
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền																																	0	0	0
40	Phạm Tiến Vươn																																	0	0	0
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy																																	0	0	0
42	Nguyễn Thủy Vy															P																	1	1	0	
43	Tôn Nguyễn Thủy Vy																																	0	0	0
44	Nguyễn Lê Tường Vy						P																										1	1	0	
45	Nguyễn Cao Như Ý																																	0	0	0
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	4	0

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm	Hiệu trưởng
có phép: 100.00%	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký tên, đóng dấu)
không phép: 0.00%		
	Nguyễn Trương Đăng Khoa	Nguyễn Minh Triều

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ I

HỌC KỲ I

Toán

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Thị Lan Anh	7,0	7,0	8,0	6,0		4,0	6,3	6,1	Học được, cần phát huy nhiều hơn
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	8,0	8,0	9,0	8,0		5,8	8,0	7,6	Học khá, chăm ngoan
3	Nguyễn Ngọc Trân Châu	7,0	9,0	10,0	9,0		7,8	9,0	8,6	Học giỏi, chăm ngoan
4	Lê Thị Thùy Dương	10,0	7,0	8,0	7,0		4,3	6,5	6,7	Học được, cần phát huy nhiều hơn
5	Nguyễn Thị Thùy Dương	9,0	7,0	8,0	7,0		4,8	6,8	6,8	Học được, cần phát huy nhiều hơn
6	Phạm Minh Giang	7,0	8,0	9,0	8,0		6,3	8,0	7,6	Học khá, chăm ngoan
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	8,0	8,0	9,0	8,0		6,5	8,0	7,8	Học khá, chăm ngoan
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	8,0	7,0	8,0	7,0		4,3	5,5	6,1	Học được, cần phát huy nhiều hơn
9	Trần Thị Ngọc Hân	8,0	7,0	8,0	7,0		4,0	5,8	6,2	Học được, cần phát huy nhiều hơn
10	Trần Quan Hậu	8,0	8,0	9,0	8,0		6,0	7,5	7,5	Học khá, chăm ngoan
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	8,0	8,0	8,0	7,0		6,5	6,0	6,9	Học được, cần phát huy nhiều hơn
12	Nguyễn Thiên Huy	7,0	9,0	10,0	9,0		7,8	9,0	8,6	Học giỏi, chăm ngoan
13	Nguyễn Hoàng Kha	9,0	9,0	8,0	8,0		7,0	6,0	7,3	Học khá, chăm ngoan
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	8,0	8,0	8,0	7,0		6,5	6,8	7,2	Học khá, chăm ngoan
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	9,0	8,0	8,0	8,0		6,3	6,3	7,2	Học khá, chăm ngoan
16	Phan Thị Trúc Linh	6,0	7,0	8,0	6,0		3,0	6,5	5,8	Cần phát huy nhiều hơn
17	Nguyễn Chiến Long	10,0	9,0	10,0	9,0		7,8	9,3	9,1	Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
18	Nguyễn Nhật Long	7,0	8,0	9,0	8,0		6,3	8,0	7,6	Học khá, chăm ngoan
19	Nguyễn Kim Ngân	8,0	7,0	8,0	7,0		3,3	6,3	6,2	Học được, cần phát huy nhiều hơn
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	7,0	8,0	9,0	8,0		6,5	8,5	7,8	Học khá, chăm ngoan
21	Bùi Hồng Ngọc	7,0	8,0	9,0	7,0		5,3	7,0	7,0	Học khá, chăm ngoan
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	10,0	9,0	10,0	10,0		8,8	9,8	9,6	Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
23	Trần Trí Nhân	7,0	8,0	8,0	7,0		5,0	5,8	6,4	Học được, cần phát huy nhiều hơn
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	7,0	7,0	8,0	6,0		4,0	6,3	6,1	Học được, cần phát huy nhiều hơn
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	9,0	7,0	9,0	7,0		3,8	7,5	6,9	Học được, cần phát huy nhiều hơn
26	Lê Chí Tài	9,0	10,0	10,0	9,0		9,3	9,0	9,3	Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	7,0	8,0	8,0	7,0		5,8	6,3	6,7	Học được, cần phát huy nhiều hơn
28	Lương Thị Hồng Thảo	7,0	7,0	8,0	6,0		4,5	5,3	5,9	Cần phát huy nhiều hơn
29	Trịnh Gia Thiều	8,0	8,0	8,0	7,0		5,5	5,8	6,6	Học được, cần phát huy nhiều hơn
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	8,0	9,0	9,0	8,0		7,8	8,5	8,3	Học giỏi, chăm ngoan
31	Nguyễn Hữu Tiến	7,0	9,0	7,0	7,0		7,8	4,8	6,7	Học được, cần phát huy nhiều hơn
32	Trần Trường Tiến	9,0	9,0	9,0	9,0		8,3	8,0	8,5	Học giỏi, chăm ngoan
33	Kiều Huế Trâm	9,0	9,0	10,0	9,0		8,0	9,0	8,9	Học giỏi, chăm ngoan
34	Đặng Văn Hữu Trọng	8,0	8,0	10,0	8,0		6,5	9,0	8,2	Học giỏi, chăm ngoan
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	10,0	9,0	9,0	9,0		7,8	8,5	8,7	Học giỏi, chăm ngoan
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	8,0	8,0	9,0	8,0		5,8	8,3	7,7	Học khá, chăm ngoan
37	Lê Quốc Tuấn	8,0	8,0	8,0	7,0		6,5	6,8	7,2	Học khá, chăm ngoan
38	Phan Thanh Tuấn	6,0	8,0	8,0	7,0		6,5	6,3	6,8	Học được, cần phát huy nhiều hơn
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	8,0	9,0	8,0	8,0		7,0	6,0	7,2	Học khá, chăm ngoan
40	Phạm Tiến Vươn	10,0	10,0	10,0	10,0		9,8	9,5	9,8	Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	8,0	8,0	9,0	8,0		6,8	8,3	7,9	Học khá, chăm ngoan
42	Nguyễn Thủy Vy	8,0	8,0	8,0	7,0		5,3	6,0	6,6	Học được, cần phát huy nhiều hơn
43	Tôn Nguyễn Thủy Vy	7,0	8,0	8,0	7,0		5,3	6,3	6,6	Học được, cần phát huy nhiều hơn
44	Nguyễn Lê Tường Vy	10,0	9,0	9,0	9,0		7,8	8,5	8,7	Học giỏi, chăm ngoan
45	Nguyễn Cao Như Ý	9,0	9,0	8,0	8,0		7,3	6,3	7,5	Học khá, chăm ngoan
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	8,0	9,0	10,0	9,0		7,3	9,0	8,6	Học giỏi, chăm ngoan

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Duy Phương

Vật lý HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGk	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Nguyễn Thị Lan Anh	10,0	8,0	10,0			8,3	8,0	8,6	Học tốt, ngoan	
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	10,0	8,0	10,0			9,0	8,8	9,1	Học tốt, chăm ngoan	
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu	10,0	9,0	8,0			8,8	10,0	9,3	Học tốt, chăm ngoan	
4	Lê Thị Thùy Dương	9,0	9,0	7,0			7,0	5,5	6,9	Học khá, có cố gắng.	
5	Nguyễn Thị Thùy Dương	9,0	9,0	6,0			8,0	8,0	8,0	Học tốt, ngoan	
6	Phạm Minh Giang	10,0	8,0	9,0			8,0	6,8	7,9	Học khá, có cố gắng.	
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	7,0	9,0	9,0			8,3	8,5	8,4	Học tốt, ngoan	
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	7,0	7,0	5,0			6,5	5,3	6,0	Cần cố gắng ở học kỳ 2	
9	Trần Thị Ngọc Hân	8,0	7,0	8,0			6,3	5,0	6,3	Cần cố gắng ở học kỳ 2	
10	Trần Quan Hậu	8,0	9,0	8,0			6,8	5,5	6,9	Học khá, có cố gắng.	
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	7,0	9,0	10,0			6,3	6,0	7,1	Học khá, có cố gắng.	
12	Nguyễn Thiên Huy	10,0	10,0	10,0			9,8	9,0	9,6	Học tốt, chăm ngoan	
13	Nguyễn Hoàng Kha	8,0	8,0	10,0			7,5	8,8	8,4	Học tốt, ngoan	
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	8,0	9,0	7,0			6,5	7,0	7,3	Học khá, có cố gắng.	
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	7,0	8,0	6,0			7,5	6,5	6,9	Học khá, có cố gắng.	
16	Phan Thị Trúc Linh	10,0	6,0	10,0			7,8	8,3	8,3	Học tốt, ngoan	
17	Nguyễn Chiến Long	9,0	10,0	10,0			8,5	8,3	8,9	Học tốt, ngoan	
18	Nguyễn Nhật Long	10,0	9,0	10,0			7,5	7,0	8,1	Học tốt, ngoan	
19	Nguyễn Kim Ngân	9,0	8,0	9,0			7,0	6,8	7,6	Học khá, có cố gắng.	
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	8,0	9,0	10,0			8,5	8,8	8,8	Học tốt, ngoan	
21	Bùi Hồng Ngọc	9,0	8,0	10,0			8,3	7,0	8,1	Học tốt, ngoan	
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	8,0	9,0	10,0			8,5	8,8	8,8	Học tốt, ngoan	
23	Trần Trí Nhân	10,0	6,0	10,0			5,0	5,0	6,4	Cần cố gắng ở học kỳ 2	
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	9,0	9,0	10,0			8,3	8,3	8,7	Học tốt, ngoan	
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	9,0	8,0	7,0			7,3	8,0	7,8	Học khá, có cố gắng.	
26	Lê Chí Tài	10,0	9,0	8,0			7,5	8,5	8,4	Học tốt, ngoan	
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	8,0	8,0	7,0			6,5	6,3	6,9	Học khá, có cố gắng.	
28	Lương Thị Hồng Thảo	8,0	8,0	8,0			6,3	8,0	7,6	Học khá, có cố gắng.	
29	Trịnh Gia Thiều	7,0	7,0	6,0			6,8	4,0	5,7	Cần cố gắng ở học kỳ 2	
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	8,0	9,0	10,0			8,5	7,8	8,4	Học tốt, ngoan	
31	Nguyễn Hữu Tiến	9,0	7,0	8,0			7,5	7,5	7,7	Học khá, có cố gắng.	
32	Trần Trường Tiến	9,0	8,0	10,0			9,3	9,8	9,4	Học tốt, chăm ngoan	
33	Kiều Huế Trâm	10,0	9,0	10,0			8,5	9,8	9,4	Học tốt, chăm ngoan	
34	Đặng Văn Hữu Trọng	8,0	9,0	10,0			9,0	7,0	8,3	Học tốt, ngoan	
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	10,0	10,0	10,0			9,0	9,3	9,5	Học tốt, chăm ngoan	
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	8,0	7,0	10,0			8,3	7,8	8,1	Học tốt, ngoan	
37	Lê Quốc Tuấn	9,0	9,0	10,0			7,5	5,8	7,6	Học khá, có cố gắng.	
38	Phan Thanh Tuấn	8,0	6,0	10,0			6,8	8,3	7,8	Học khá, có cố gắng.	
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	8,0	8,0	9,0			7,5	5,8	7,2	Học khá, có cố gắng.	
40	Phạm Tiến Vươn	10,0	10,0	10,0			9,8	9,8	9,9	Học tốt, chăm ngoan	
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	10,0	8,0	9,0			6,8	7,3	7,8	Học khá, có cố gắng.	
42	Nguyễn Thủy Vy	8,0	8,0	10,0			6,8	7,0	7,6	Học khá, có cố gắng.	
43	Tôn Nguyễn Thủy Vy	9,0	9,0	5,0			7,5	8,3	7,9	Học khá, có cố gắng.	
44	Nguyễn Lê Tường Vy	10,0	10,0	9,0			8,0	9,0	9,0	Học tốt, chăm ngoan	
45	Nguyễn Cao Như Ý	9,0	8,0	10,0			8,0	9,5	8,9	Học tốt, ngoan	
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	8,0	9,0	7,0			7,5	8,8	8,2	Học tốt, ngoan	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Tấn Phương

Hóa học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú		
1	Nguyễn Thị Lan Anh	8,0	8,0	8,0			9,8	9,5	9,0	Học tốt. Chăm, ngoan		
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	9,0	10,0	9,0			9,8	8,3	9,1	Học tốt. Chăm, ngoan		
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu	8,0	10,0	8,0			9,3	9,8	9,3	Học tốt. Chăm, ngoan		
4	Lê Thị Thùy Dương	8,0	8,0	8,0			6,5	9,0	8,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
5	Nguyễn Thị Thùy Dương	8,0	10,0	8,0			8,8	9,0	8,8	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
6	Phạm Minh Giang	9,0	8,0	8,0			8,5	6,8	7,8	Học khá. Chăm, ngoan		
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	8,0	10,0	8,0			8,5	9,3	8,9	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	8,0	7,0	8,0			5,8	6,5	6,8	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
9	Trần Thị Ngọc Hân	8,0	7,0	8,0			6,8	7,5	7,4	Học khá. Chăm, ngoan		
10	Trần Quan Hậu	8,0	8,0	8,0			7,8	5,0	6,8	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	8,0	8,0	8,0			8,8	6,0	7,5	Học khá. Chăm, ngoan		
12	Nguyễn Thiên Huy	10,0	10,0	9,0			9,0	9,3	9,4	Học tốt. Chăm, ngoan		
13	Nguyễn Hoàng Kha	8,0	7,0	8,0			7,8	9,5	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	8,0	8,0	8,0			8,8	6,3	7,6	Học khá. Chăm, ngoan		
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	8,0	7,0	8,0			9,3	5,3	7,2	Học khá. Chăm, ngoan		
16	Phan Thị Trúc Linh	8,0	7,0	8,0			9,3	9,5	8,8	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
17	Nguyễn Chiến Long	8,0	7,0	8,0			9,8	8,5	8,5	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
18	Nguyễn Nhật Long	10,0	10,0	9,0			8,8	8,0	8,8	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
19	Nguyễn Kim Ngân	8,0	7,0	8,0			8,0	8,0	7,9	Học khá. Chăm, ngoan		
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	8,0	8,0	8,0			9,0	9,5	8,8	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
21	Bùi Hồng Ngọc	8,0	7,0	8,0			8,5	8,5	8,2	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	9,0	9,0	8,0			10,0	9,3	9,2	Học tốt. Chăm, ngoan		
23	Trần Trí Nhân	8,0	7,0	8,0			7,0	3,0	5,8	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	8,0	7,0	8,0			9,0	10,0	8,9	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	8,0	10,0	8,0			8,5	7,3	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
26	Lê Chí Tài	8,0	10,0	8,0			7,5	10,0	8,9	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	8,0	8,0	8,0			8,3	8,0	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
28	Lương Thị Hồng Thảo	8,0	7,0	8,0			5,8	7,3	7,1	Học khá. Chăm, ngoan		
29	Trịnh Gia Thiều	8,0	7,0	8,0			7,0	7,5	7,4	Học khá. Chăm, ngoan		
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	8,0	8,0	8,0			9,5	9,5	8,9	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
31	Nguyễn Hữu Tiến	8,0	8,0	8,0			6,5	3,8	6,1	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
32	Trần Trường Tiến	8,0	9,0	8,0			9,8	9,8	9,3	Học tốt. Chăm, ngoan		
33	Kiều Huế Trâm	8,0	9,0	8,0			9,8	9,8	9,3	Học tốt. Chăm, ngoan		
34	Đặng Văn Hữu Trọng	8,0	8,0	8,0			9,8	9,8	9,1	Học tốt. Chăm, ngoan		
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	8,0	10,0	8,0			9,0	8,5	8,7	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	9,0	10,0	8,0			9,3	9,8	9,4	Học tốt. Chăm, ngoan		
37	Lê Quốc Tuấn	8,0	8,0	8,0			7,5	5,8	7,1	Học khá. Chăm, ngoan		
38	Phan Thanh Tuấn	8,0	8,0	8,0			8,0	7,5	7,8	Học khá. Chăm, ngoan		
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	8,0	8,0	8,0			8,0	8,0	8,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
40	Phạm Tiến Vươn	9,0	10,0	9,0			10,0	10,0	9,8	Học tốt. Chăm, ngoan		
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	8,0	9,0	8,0			8,8	8,5	8,5	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
42	Nguyễn Thủy Vy	8,0	7,0	8,0			7,5	6,3	7,1	Học khá. Chăm, ngoan		
43	Tôn Nguyễn Thủy Vy	8,0	7,0	8,0			7,8	5,5	6,9	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
44	Nguyễn Lê Tường Vy	8,0	10,0	8,0			9,3	9,5	9,1	Học tốt. Chăm, ngoan		
45	Nguyễn Cao Như Ý	8,0	7,0	8,0			9,8	8,8	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	8,0	8,0	8,0			9,8	9,8	9,1	Học tốt. Chăm, ngoan		

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ung Nguyễn Thị Thùy Dương

HỌC KỲ I Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú		
1	Nguyễn Thị Lan Anh	8,0	9,0	8,0	9,0		7,0	7,5	7,8	Học khá, có sáng tạo và năng động		
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	10,0	10,0	10,0	10,0		7,5	7,5	8,6	Chăm chỉ, năng động và sáng tạo		
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu	9,0	10,0	8,0	9,0		8,0	8,0	8,4	Học giỏi, chăm ngoan		
4	Lê Thị Thùy Dương	9,0	9,0	8,0	9,0		4,5	5,5	6,7	Học khá, cần rèn luyện về chuyên cần		
5	Nguyễn Thị Thùy Dương	10,0	10,0	10,0	10,0		7,0	8,0	8,7	Chăm chỉ, năng động và sáng tạo		
6	Phạm Minh Giang	9,0	10,0	7,0	8,0		5,5	6,0	7,0	Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn		
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	9,0	10,0	6,0	9,0		8,0	6,5	7,7	Có tiến bộ, cần cố gắng hơn		
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	9,0	9,0	7,0	9,0		5,0	5,0	6,6	Được, cần tập trung hơn		
9	Trần Thị Ngọc Hân	9,0	9,0	9,0	9,0		6,0	5,5	7,2	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập		
10	Trần Quan Hậu	9,0	10,0	7,0	9,0		6,0	6,0	7,2	Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn		
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	8,0	9,0	9,0	8,0		5,0	5,0	6,6	Học khá, cần rèn luyện về chuyên cần		
12	Nguyễn Thiên Huy	10,0	10,0	8,0	10,0		8,5	8,0	8,8	Chăm chỉ, năng động và sáng tạo		
13	Nguyễn Hoàng Kha	9,0	8,0	8,0	8,0		6,0	5,5	6,8	Học khá, cần rèn luyện về chuyên cần		
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	9,0	8,0	7,0	7,0		6,5	5,5	6,7	Được, cần tập trung hơn		
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	9,0	10,0	6,0	9,0		7,0	8,0	8,0	Tinh thần học tập tốt, năng động		
16	Phan Thị Trúc Linh	8,0	7,0	5,0	9,0		6,5	7,0	7,0	Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn		
17	Nguyễn Chiến Long	9,0	10,0	10,0	8,0		7,0	8,5	8,5	Ngoan, chăm chỉ và rất cố gắng.		
18	Nguyễn Nhật Long	8,0	9,0	7,0	9,0		6,5	7,5	7,6	Học khá, có sáng tạo và năng động		
19	Nguyễn Kim Ngân	8,0	10,0	7,0	9,0		6,5	7,5	7,7	Cần cố gắng hơn sẽ đạt kết quả cao		
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	9,0	9,0	8,0	9,0		7,0	7,5	7,9	Học khá, có sáng tạo và năng động		
21	Bùi Hồng Ngọc	9,0	9,0	9,0	8,0		8,0	7,5	8,2	Học giỏi, chăm ngoan		
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	10,0	10,0	8,0	10,0		7,0	8,0	8,4	Học giỏi, chăm ngoan		
23	Trần Trí Nhân	9,0	9,0	6,0	8,0		6,0	7,5	7,4	Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn		
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	7,0	8,0	9,0	9,0		6,5	7,5	7,6	Có tiến bộ, cần cố gắng hơn		
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	10,0	10,0	8,0	10,0		8,0	8,5	8,8	Rất cố gắng, đáng khen		
26	Lê Chí Tài	10,0	10,0	8,0	10,0		7,0	7,5	8,3	Học giỏi, chăm ngoan		
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	9,0	10,0	6,0	8,0		6,5	7,0	7,4	Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn		
28	Lương Thị Hồng Thảo	9,0	9,0	6,0	8,0		5,5	5,5	6,6	Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập		
29	Trịnh Gia Thiệu	7,0	8,0	8,0	10,0		5,5	5,0	6,6	Được, cần tập trung hơn		
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	9,0	8,0	5,0	9,0		7,5	7,0	7,4	Cố gắng hơn nữa sẽ tiến bộ		
31	Nguyễn Hữu Tiến	9,0	10,0	7,0	9,0		5,0	7,0	7,3	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập		
32	Trần Trường Tiến	9,0	10,0	7,0	9,0		7,0	8,0	8,1	Học giỏi, chăm ngoan		
33	Kiều Huế Trâm	9,0	9,0	9,0	9,0		8,5	7,5	8,4	Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập		
34	Đặng Văn Hữu Trọng	9,0	10,0	8,0	9,0		6,5	7,5	7,9	Học khá, có sáng tạo và năng động		
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	10,0	10,0	9,0	9,0		7,5	7,5	8,4	Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập		
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	9,0	4,0	7,0	9,0		7,0	7,0	7,1	Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn		
37	Lê Quốc Tuấn	9,0	9,0	8,0	8,0		5,0	6,5	7,1	Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn		
38	Phan Thanh Tuấn	9,0	8,0	7,0	9,0		5,0	6,0	6,8	Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập		
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	9,0	10,0	7,0	8,0		8,0	6,5	7,7	Học khá, có sáng tạo và năng động		
40	Phạm Tiến Vươn	10,0	10,0	10,0	10,0		8,0	8,0	8,9	Chăm chỉ, năng động và sáng tạo		
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	9,0	10,0	6,0	8,0		7,5	7,5	7,8	Có tiến bộ, cần cố gắng hơn		
42	Nguyễn Thủy Vy	9,0	10,0	5,0	9,0		6,5	7,0	7,4	Cố gắng hơn nữa sẽ tiến bộ		
43	Tôn Nguyễn Thủy Vy	8,0	10,0	7,0	9,0		5,5	6,5	7,2	Cố gắng hơn nữa sẽ tiến bộ		
44	Nguyễn Lê Tường Vy	9,0	10,0	7,0	9,0		6,5	7,0	7,7	Có tiến bộ, cần cố gắng hơn		
45	Nguyễn Cao Như Ý	9,0	9,0	7,0	9,0		8,0	8,0	8,2	Giỏi, có nhiều tiến bộ trong học tập		
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	9,0	9,0	5,0	9,0		7,0	8,0	7,8	Học khá, có sáng tạo và năng động		

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Võ Thị Kiều Trang

HỌC KỲ I Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú		
1	Nguyễn Thị Lan Anh	5,0	7,0	9,0			8,0	5,8	6,8	Học khá, có cố gắng.		
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	10,0	10,0	10,0			9,8	9,3	9,7	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu	9,0	9,0	10,0			9,5	3,0	7,0	Học khá, có cố gắng.		
4	Lê Thị Thùy Dương	5,0	7,0	10,0			8,0	3,0	5,9	Học được, cần cố gắng hơn.		
5	Nguyễn Thị Thùy Dương	7,0	9,0	9,0			9,5	5,5	7,6	Học khá, có cố gắng.		
6	Phạm Minh Giang	8,0	9,0	8,0			8,3	6,0	7,5	Học khá, có cố gắng.		
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	9,0	6,0	10,0			8,3	5,5	7,3	Học khá, có cố gắng.		
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	5,0	7,0	8,0			7,5	5,5	6,4	Học được, cần cố gắng hơn.		
9	Trần Thị Ngọc Hân	5,0	7,0	8,0			8,0	2,5	5,4	Học được, cần cố gắng hơn.		
10	Trần Quan Hậu	6,0	9,0	10,0			8,0	7,3	7,9	Học khá, có cố gắng.		
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	5,0	7,0	10,0			7,0	3,5	5,8	Học được, cần cố gắng hơn.		
12	Nguyễn Thiên Huy	10,0	10,0	10,0			8,5	10,0	9,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
13	Nguyễn Hoàng Kha	7,0	9,0	9,0			3,5	2,8	5,1	Học được, cần cố gắng hơn.		
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	9,0	7,0	10,0			6,5	3,5	6,2	Học được, cần cố gắng hơn.		
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	10,0	9,0	10,0			5,3	8,8	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
16	Phan Thị Trúc Linh	8,0	8,0	9,0			8,0	5,5	7,2	Học khá, có cố gắng.		
17	Nguyễn Chiến Long	9,0	8,0	10,0			9,8	9,3	9,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
18	Nguyễn Nhật Long	7,0	9,0	9,0			9,0	5,8	7,6	Học khá, có cố gắng.		
19	Nguyễn Kim Ngân	6,0	8,0	9,0			8,0	1,8	5,6	Học được, cần cố gắng hơn.		
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	9,0	9,0	10,0			5,8	6,8	7,5	Học khá, có cố gắng.		
21	Bùi Hồng Ngọc	9,0	7,0	9,0			8,0	9,3	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	9,0	8,0	10,0			8,5	8,8	8,8	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
23	Trần Trí Nhân	9,0	5,0	10,0			8,3	5,0	7,0	Học khá, có cố gắng.		
24	Võ Nguyễn YẾN Nhi	7,0	8,0	9,0			9,0	5,5	7,3	Học khá, có cố gắng.		
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	7,0	8,0	9,0			9,3	9,3	8,8	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
26	Lê Chí Tài	9,0	10,0	10,0			8,8	6,8	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	7,0	9,0	9,0			7,8	5,0	7,0	Học khá, có cố gắng.		
28	Lương Thị Hồng Thảo	7,0	8,0	8,0			4,8	7,8	7,0	Học khá, có cố gắng.		
29	Trịnh Gia Thiều	8,0	7,0	10,0			8,5	1,8	5,9	Học được, cần cố gắng hơn.		
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	9,0	7,0	10,0			7,0	5,5	7,1	Học khá, có cố gắng.		
31	Nguyễn Hữu Tiến	7,0	7,0	9,0			5,3	3,0	5,3	Học được, cần cố gắng hơn.		
32	Trần Trường Tiến	8,0	7,0	10,0			9,8	4,8	7,4	Học khá, có cố gắng.		
33	Kiều Huế Trâm	9,0	7,0	10,0			9,0	4,0	7,0	Học khá, có cố gắng.		
34	Đặng Văn Hữu Trọng	9,0	8,0	10,0			9,0	8,5	8,8	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	9,0	8,0	10,0			9,8	7,3	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	8,0	8,0	9,0			8,8	9,5	8,9	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
37	Lê Quốc Tuấn	9,0	8,0	10,0			8,0	6,3	7,7	Học khá, có cố gắng.		
38	Phan Thanh Tuấn	5,0	8,0	8,0			8,0	5,3	6,6	Học khá, có cố gắng.		
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	7,0	9,0	9,0			8,0	6,0	7,4	Học khá, có cố gắng.		
40	Phạm Tiến Vươn	9,0	10,0	10,0			10,0	9,8	9,8	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	9,0	8,0	10,0			8,5	6,0	7,8	Học khá, có cố gắng.		
42	Nguyễn Thủy Vy	8,0	8,0	10,0			7,0	2,0	5,8	Học được, cần cố gắng hơn.		
43	Tôn Nguyễn Thủy Vy	8,0	2,0	10,0			5,8	7,3	6,7	Học khá, có cố gắng.		
44	Nguyễn Lê Tường Vy	7,0	7,0	10,0			8,5	5,0	7,0	Học khá, có cố gắng.		
45	Nguyễn Cao Như Ý	6,0	6,0	9,0			9,5	7,8	7,9	Học khá, có cố gắng.		
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	9,0	7,0	10,0			9,3	5,5	7,6	Học khá, có cố gắng.		

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lệ Huyền

HỌC KỲ I												
Địa Lý (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú		
1	Nguyễn Thị Lan Anh	7,0	9,0	10,0	9,0		7,0	9,0	8,4	Chăm ngoan, học giỏi		
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	9,0	10,0	7,0	9,0		8,5	9,0	8,8	Chăm ngoan, học giỏi		
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu	8,0	10,0	10,0	9,0		9,0	9,0	9,1	Chăm ngoan, học giỏi		
4	Lê Thị Thùy Dương	7,0	5,0	8,0	10,0		5,0	8,5	7,3	Chăm ngoan, học khá		
5	Nguyễn Thị Thùy Dương	9,0	5,0	8,0	10,0		8,5	9,0	8,4	Chăm ngoan, học giỏi		
6	Phạm Minh Giang	8,0	9,0	7,0	9,0		8,0	7,0	7,8	Chăm ngoan, học khá		
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	8,0	10,0	9,0	9,0		7,5	8,0	8,3	Chăm ngoan, học giỏi		
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	4,0	7,0	3,0	8,0		5,5	6,0	5,7	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa		
9	Trần Thị Ngọc Hân	5,0	8,0	8,0	10,0		5,5	7,5	7,2	Chăm ngoan, học khá		
10	Trần Quan Hậu	6,0	7,0	9,0	5,0		4,5	9,0	7,0	Chăm ngoan, học khá		
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	5,0	8,0	7,0	9,0		7,0	7,0	7,1	Chăm ngoan, học khá		
12	Nguyễn Thiên Huy	9,0	10,0	8,0	9,0		7,0	9,0	8,6	Chăm ngoan, học giỏi		
13	Nguyễn Hoàng Kha	6,0	7,0	5,0	9,0		7,5	7,5	7,2	Chăm ngoan, học khá		
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	6,0	10,0	9,0	7,0		4,0	6,0	6,4	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa		
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	5,0	9,0	10,0	10,0		7,0	6,5	7,5	Chăm ngoan, học khá		
16	Phan Thị Trúc Linh	8,0	8,0	9,0	10,0		6,0	8,0	7,9	Chăm ngoan, học khá		
17	Nguyễn Chiến Long	8,0	9,0	9,0	9,0		7,0	9,5	8,6	Chăm ngoan, học giỏi		
18	Nguyễn Nhật Long	9,0	10,0	8,0	9,0		8,0	9,0	8,8	Chăm ngoan, học giỏi		
19	Nguyễn Kim Ngân	6,0	8,0	9,0	8,0		5,5	7,5	7,2	Chăm ngoan, học khá		
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	7,0	9,0	9,0	10,0		7,5	8,5	8,4	Chăm ngoan, học giỏi		
21	Bùi Hồng Ngọc	10,0	9,0	10,0	10,0		7,5	8,5	8,8	Chăm ngoan, học giỏi		
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	6,0	10,0	10,0	9,0		5,0	10,0	8,3	Chăm ngoan, học giỏi		
23	Trần Trí Nhân	3,0	6,0	6,0	5,0		3,0	6,5	5,1	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa		
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	8,0	9,0	10,0	8,0		7,0	9,0	8,4	Chăm ngoan, học giỏi		
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	9,0	9,0	8,0	9,0		6,5	10,0	8,7	Chăm ngoan, học giỏi		
26	Lê Chí Tài	9,0	10,0	10,0	8,0		9,5	9,5	9,4	Chăm ngoan, học giỏi		
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	7,0	8,0	9,0	10,0		7,5	7,0	7,8	Chăm ngoan, học khá		
28	Lương Thị Hồng Thảo	8,0	7,0	3,0	10,0		5,5	7,5	6,8	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa		
29	Trịnh Gia Thiều	5,0	7,0	5,0	5,0		8,0	2,0	4,9	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa		
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	8,0	10,0	10,0	10,0		5,5	8,0	8,1	Chăm ngoan, học giỏi		
31	Nguyễn Hữu Tiến	3,0	7,0	9,0	6,0		7,5	5,0	6,1	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa		
32	Trần Trường Tiến	9,0	10,0	10,0	10,0		9,5	10,0	9,8	Chăm ngoan, học giỏi		
33	Kiều Huế Trâm	7,0	9,0	9,0	10,0		8,0	9,5	8,8	Chăm ngoan, học giỏi		
34	Đặng Văn Hữu Trọng	9,0	10,0	9,0	10,0		6,5	8,5	8,5	Chăm ngoan, học giỏi		
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	8,0	9,0	9,0	10,0		8,0	9,0	8,8	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.		
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	10,0	10,0	10,0	9,0		7,0	9,0	8,9	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.		
37	Lê Quốc Tuấn	4,0	6,0	6,0	9,0		5,0	8,5	6,7	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa		
38	Phan Thanh Tuấn	7,0	9,0	7,0	8,0		2,5	7,0	6,3	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa		
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	6,0	8,0	9,0	10,0		7,5	7,0	7,7	Chăm ngoan, học khá		
40	Phạm Tiến Vươn	9,0	10,0	10,0	10,0		9,5	9,5	9,6	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.		
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	8,0	10,0	10,0	8,0		6,0	9,0	8,3	Chăm ngoan, cần cố gắng hơn nữa.		
42	Nguyễn Thủy Vy	7,0	5,0	10,0	9,0		5,0	8,0	7,2	Chăm ngoan, học khá		
43	Tôn Nguyễn Thủy Vy	5,0	9,0	10,0	10,0		4,5	8,5	7,6	Chăm ngoan, học khá		
44	Nguyễn Lê Tường Vy	7,0	9,0	9,0	5,0		9,0	9,0	8,3	Chăm ngoan, học giỏi		
45	Nguyễn Cao Như Ý	8,0	5,0	10,0	10,0		7,0	9,5	8,4	Chăm ngoan, học giỏi		
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	9,0	9,0	10,0	7,0		7,0	8,5	8,3	Chăm ngoan, học giỏi		

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Hiện

HỌC KỲ I

Ngoại ngữ 1 (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Thị Lan Anh	8,0	6,5	8,0	5,5		6,3	7,2	6,9	Học khá, cần cố gắng hơn.
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	9,0	9,5	9,0	9,5		6,3	6,4	7,6	Học khá, tích cực phát biểu.
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu	10,0	9,0	8,0	5,5		7,3	7,4	7,7	Học khá, tích cực phát biểu.
4	Lê Thị Thùy Dương	7,0	10,0	8,0	4,5		7,0	7,7	7,4	Học khá, tích cực phát biểu.
5	Nguyễn Thị Thùy Dương	9,0	9,5	8,0	8,0		8,5	7,8	8,3	Học tốt, tích cực phát biểu.
6	Phạm Minh Giang	9,0	8,0	8,0	5,0		5,0	7,2	6,8	Học khá, cần cố gắng hơn.
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	7,0	9,0	7,0	3,5		5,8	6,6	6,4	Học khá, cần cố gắng hơn.
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	7,0	3,0	8,0	3,0		6,8	6,5	6,0	Học khá, cần cố gắng hơn.
9	Trần Thị Ngọc Hân	8,0	4,5	8,0	7,5		6,5	6,8	6,8	Học khá, cần cố gắng hơn.
10	Trần Quan Hậu	8,0	7,0	7,0	8,5		8,0	8,0	7,8	Học khá, tích cực phát biểu.
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	7,0	7,5	6,0	9,0		7,8	7,1	7,4	Học khá.
12	Nguyễn Thiên Huy	10,0	10,0	8,0	9,5		9,0	8,6	9,0	Học tốt, tích cực phát biểu,
13	Nguyễn Hoàng Kha	7,0	8,5	8,0	5,0		7,0	7,3	7,2	Học khá, tích cực phát biểu.
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	8,0	8,0	6,0	4,5		6,8	6,6	6,7	Học khá, cần cố gắng hơn.
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	8,0	6,5	7,0	8,5		8,3	6,3	7,3	Học khá.
16	Phan Thị Trúc Linh	8,0	6,5	8,0	7,0		6,8	6,4	6,9	Học khá, cần cố gắng hơn.
17	Nguyễn Chiến Long	8,0	9,0	8,0	6,0		7,3	6,4	7,2	Học khá.
18	Nguyễn Nhật Long	9,0	8,0	9,0	9,5		8,5	7,9	8,5	Học tốt, tích cực phát biểu.
19	Nguyễn Kim Ngân	7,0	5,0	8,0	2,0		5,8	6,0	5,7	Cần cố gắng hơn.
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	7,0	10,0	8,0	6,0		4,8	6,4	6,6	Học khá, cần cố gắng hơn.
21	Bùi Hồng Ngọc	8,0	8,5	9,0	8,5		8,0	7,2	8,0	Học tốt, tích cực phát biểu.
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	8,0	8,0	7,0	9,0		5,3	6,6	6,9	Học khá, cần cố gắng hơn.
23	Trần Trí Nhân	7,0	7,0	7,0	9,5		8,3	6,1	7,3	Học khá.
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	8,0	5,5	8,0	4,0		6,5	7,1	6,6	Học khá, cần cố gắng hơn.
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	8,0	8,5	8,0	8,5		6,5	7,4	7,6	Học khá.
26	Lê Chí Tài	10,0	8,5	9,0	6,5		6,0	6,1	7,1	Học khá, tích cực phát biểu.
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	7,0	7,0	8,0	6,0		6,0	7,4	6,9	Học khá, cần cố gắng hơn.
28	Lương Thị Hồng Thảo	8,0	4,5	8,0	6,5		6,3	8,0	7,1	Học khá, cần cố gắng hơn.
29	Trịnh Gia Thiệu	7,0	6,5	7,0	5,0		7,0	7,6	6,9	Học khá, tích cực phát biểu, cần cố gắng hơn.
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	8,0	8,5	8,0	4,0		5,0	6,8	6,5	Học khá, cần cố gắng hơn.
31	Nguyễn Hữu Tiến	8,0	9,5	7,0	9,5		8,8	7,9	8,4	Học tốt.
32	Trần Trường Tiến	8,0	8,0	8,0	6,0		6,8	8,3	7,6	Học khá, tích cực phát biểu.
33	Kiều Huế Trâm	9,0	9,0	8,0	8,0		7,0	8,0	8,0	Học tốt, tích cực phát biểu.
34	Đặng Văn Hữu Trọng	8,0	8,0	7,0	8,5		5,0	6,6	6,8	Học khá, cần cố gắng hơn.
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	8,0	9,0	8,0	7,0		6,0	6,4	7,0	Học khá, tích cực phát biểu, cần cố gắng hơn.
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	8,0	7,5	9,0	5,5		7,5	5,8	6,9	Học khá, cần cố gắng hơn.
37	Lê Quốc Tuấn	8,0	8,0	7,0	9,0		7,3	6,8	7,4	Học khá.
38	Phan Thanh Tuấn	8,0	7,5	8,0	8,5		7,0	7,0	7,4	Học khá.
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	8,0	9,5	8,0	6,0		6,5	7,2	7,3	Học khá, tích cực phát biểu.
40	Phạm Tiến Vươn	10,0	10,0	9,0	9,5		6,3	7,0	8,0	Học tốt, tích cực phát biểu.
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	8,0	9,0	8,0	8,5		5,5	6,6	7,1	Học khá.
42	Nguyễn Thủy Vy	8,0	7,5	7,0	3,0		7,8	4,9	6,2	Học khá, cần cố gắng hơn.
43	Tôn Nguyễn Thủy Vy	9,0	9,0	7,0	9,0		8,3	6,6	7,8	Học khá.
44	Nguyễn Lê Tường Vy	7,0	7,5	8,0	6,0		7,5	8,4	7,6	Học khá, tích cực phát biểu.
45	Nguyễn Cao Như Ý	8,0	8,0	8,0	7,5		7,8	5,6	7,1	Học khá, cần cố gắng hơn.
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	9,0	9,5	8,0	4,0		5,3	6,9	6,9	Học khá, cần cố gắng hơn.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trương Đăng Khoa

Giáo Dục Quốc Phòng

STT	Họ và tên	ĐDGtx					ĐDGgk	ĐDGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Thị Lan Anh	9,0	9,0				8,8	9,0	8,9	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	8,0	8,0				8,5	9,8	8,9	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
3	Nguyễn Ngọc Trân Châu	8,0	8,0				8,5	8,0	8,1	Học tốt.
4	Lê Thị Thủy Dương	8,0	8,0				8,3	7,8	8,0	Học tốt.
5	Nguyễn Thị Thủy Dương	8,0	8,0				7,3	7,5	7,6	Chăm ngoan, học khá.
6	Phạm Minh Giang	7,0	8,0				8,5	8,8	8,3	Học tốt.
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	9,0	8,0				6,8	7,3	7,5	Chăm ngoan, học khá.
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	8,0	8,0				8,3	7,0	7,7	Chăm ngoan, học khá.
9	Trần Thị Ngọc Hân	8,0	9,0				9,0	7,0	8,0	Học tốt.
10	Trần Quan Hậu	5,0	7,0				6,0	7,3	6,6	Cần cố gắng hơn ở hk2.
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	5,0	7,0				8,0	8,0	7,4	Chăm ngoan, học khá.
12	Nguyễn Thiên Huy	8,0	9,0				9,0	9,0	8,9	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
13	Nguyễn Hoàng Kha	5,0	7,0				8,5	7,5	7,4	Chăm ngoan, học khá.
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	7,0	8,0				6,8	8,8	7,9	Chăm ngoan, học khá.
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	5,0	7,0				7,5	6,5	6,6	Cần cố gắng hơn ở hk2.
16	Phan Thị Trúc Linh	9,0	9,0				8,5	8,3	8,6	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
17	Nguyễn Chiến Long	8,0	8,0				6,5	7,0	7,1	Học khá.
18	Nguyễn Nhật Long	9,0	8,0				7,3	8,5	8,2	Học tốt.
19	Nguyễn Kim Ngân	9,0	9,0				8,8	8,5	8,7	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	9,0	9,0				6,8	7,0	7,5	Chăm ngoan, học khá.
21	Bùi Hồng Ngọc	9,0	9,0				9,3	8,3	8,8	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	9,0	9,0				7,5	4,3	6,6	Cần cố gắng hơn ở hk2.
23	Trần Trí Nhân	5,0	7,0				7,5	6,3	6,6	Cần cố gắng hơn ở hk2.
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	8,0	8,0				8,5	7,8	8,1	Học tốt.
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	8,0	8,0				7,3	8,0	7,8	Chăm ngoan, học khá.
26	Lê Chí Tài	8,0	8,0				8,0	5,0	6,7	Cần cố gắng hơn ở hk2.
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	9,0	8,0				7,3	7,3	7,6	Chăm ngoan, học khá.
28	Lương Thị Hồng Thảo	9,0	8,0				8,0	8,8	8,5	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
29	Trịnh Gia Thiều	5,0	7,0				7,8	6,0	6,5	Cần cố gắng hơn ở hk2.
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	9,0	9,0				7,0	7,5	7,8	Chăm ngoan, học khá.
31	Nguyễn Hữu Tiến	5,0	7,0				6,0	6,0	6,0	Cần cố gắng hơn ở hk2.
32	Trần Trường Tiến	8,0	8,0				7,3	9,3	8,4	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
33	Kiều Huê Trâm	8,0	8,0				8,5	7,8	8,1	Học tốt.
34	Đặng Văn Hữu Trọng	8,0	8,0				7,3	7,0	7,4	Học khá.
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	9,0	9,0				9,8	8,8	9,1	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	5,0	7,0				8,3	7,5	7,3	Học khá.
37	Lê Quốc Tuấn	7,0	8,0				8,0	8,3	8,0	Học tốt.
38	Phan Thanh Tuấn	8,0	8,0				7,0	6,3	7,0	Học khá.
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	9,0	8,0				7,3	5,0	6,7	Cần cố gắng hơn ở hk2.
40	Phạm Tiến Vươn	9,0	8,0				8,3	9,5	8,9	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	9,0	9,0				9,8	6,3	8,1	Học tốt.
42	Nguyễn Thủy Vy	5,0	7,0				7,3	6,5	6,6	Cần cố gắng hơn ở hk2.
43	Tôn Nguyễn Thủy Vy	5,0	7,0				6,3	7,5	6,7	Cần cố gắng hơn ở hk2.
44	Nguyễn Lê Tường Vy	8,0	8,0				7,5	7,0	7,4	Chăm ngoan, học khá.
45	Nguyễn Cao Như Ý	8,0	8,0				7,0	8,8	8,1	Học tốt.
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	8,0	8,0				6,8	6,3	6,9	Học khá.

Nguyễn Thị Thu Hằng

HỌC KỲ I

Giáo dục kinh tế và pháp luật (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhh	Ghi Chú
1	Nguyễn Thị Lan Anh	8,0	9,0	8,0			8,0	8,8	8,4	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	8,0	9,0	9,0			9,0	7,0	8,1	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu	8,0	9,0	8,0			8,0	8,5	8,3	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
4	Lê Thị Thùy Dương	8,0	9,0	8,0			8,0	8,5	8,3	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
5	Nguyễn Thị Thùy Dương	8,0	9,0	9,0			8,0	8,5	8,4	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
6	Phạm Minh Giang	8,0	8,0	8,0			8,0	6,8	7,6	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	8,0	9,0	8,0			8,0	8,5	8,3	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	8,0	9,0	8,0			8,0	8,3	8,2	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
9	Trần Thị Ngọc Hân	8,0	9,0	9,0			8,0	7,8	8,2	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
10	Trần Quan Hậu	8,0	8,0	7,0			8,0	8,5	8,1	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	8,0	8,0	7,0			8,0	6,5	7,3	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
12	Nguyễn Thiên Huy	9,0	9,0	9,0			9,0	9,0	9,0	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
13	Nguyễn Hoàng Kha	8,0	8,0	8,0			8,0	8,8	8,3	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	8,0	8,0	7,0			8,0	8,5	8,1	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	8,0	9,0	8,0			8,0	8,3	8,2	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
16	Phan Thị Trúc Linh	8,0	9,0	8,0			8,0	8,3	8,2	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
17	Nguyễn Chiến Long	8,0	8,0	7,0			8,0	6,0	7,1	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
18	Nguyễn Nhật Long	8,0	8,0	7,0			8,0	8,5	8,1	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
19	Nguyễn Kim Ngân	8,0	8,0	8,0			8,0	9,3	8,5	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	8,0	8,0	9,0			8,0	7,3	7,9	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
21	Bùi Hồng Ngọc	8,0	9,0	9,0			8,0	6,3	7,6	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	8,0	9,0	9,0			9,0	6,8	8,1	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
23	Trần Trí Nhân	8,0	8,0	7,0			8,0	7,5	7,7	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	8,0	9,0	8,0			8,0	9,0	8,5	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	8,0	9,0	8,0			8,0	8,8	8,4	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
26	Lê Chí Tài	8,0	8,0	7,0			8,0	7,3	7,6	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	8,0	8,0	7,0			8,0	8,0	7,9	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
28	Lương Thị Hồng Thảo	8,0	9,0	8,0			8,0	8,0	8,1	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
29	Trịnh Gia Thiệu	8,0	8,0	8,0			8,0	8,0	8,0	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	8,0	9,0	8,0			8,0	8,5	8,3	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
31	Nguyễn Hữu Tiến	8,0	8,0	7,0			8,0	8,5	8,1	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
32	Trần Trường Tiến	8,0	8,0	7,0			8,0	8,8	8,2	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
33	Kiều Huế Trâm	8,0	9,0	8,0			8,0	8,3	8,2	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
34	Đặng Văn Hữu Trọng	8,0	8,0	8,0			8,0	7,3	7,7	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	8,0	9,0	8,0			8,0	6,5	7,6	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	8,0	9,0	8,0			8,0	8,3	8,2	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
37	Lê Quốc Tuấn	8,0	8,0	7,0			8,0	8,5	8,1	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
38	Phan Thanh Tuấn	8,0	8,0	7,0			8,0	6,5	7,3	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	8,0	9,0	8,0			8,0	8,8	8,4	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
40	Phạm Tiến Vươn	8,0	8,0	7,0			8,0	6,5	7,3	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	8,0	9,0	8,0			8,0	7,0	7,8	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
42	Nguyễn Thủy Vy	8,0	9,0	8,0			8,0	8,5	8,3	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
43	Tôn Nguyễn Thủy Vy	8,0	9,0	8,0			8,0	8,3	8,2	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
44	Nguyễn Lê Tường Vy	8,0	9,0	8,0			8,0	8,5	8,3	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
45	Nguyễn Cao Như Ý	8,0	9,0	8,0			8,0	8,5	8,3	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	8,0	9,0	8,0			8,0	8,8	8,4	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đỗ Nguyễn Hoàng Thuý Vy

Giáo dục thể chất HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)										
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)							Ghi Chú	
		Thường Xuyên				Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ		
1	Nguyễn Thị Lan Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
4	Lê Thị Thủy Dương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
5	Nguyễn Thị Thủy Dương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
6	Phạm Minh Giang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
9	Trần Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
10	Trần Quan Hậu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
12	Nguyễn Thiên Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
13	Nguyễn Hoàng Kha	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
16	Phan Thị Trúc Linh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
17	Nguyễn Chiến Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
18	Nguyễn Nhật Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
19	Nguyễn Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
21	Bùi Hồng Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
23	Trần Trí Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
26	Lê Chí Tài	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
28	Lương Thị Hồng Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
29	Trịnh Gia Thiệu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
31	Nguyễn Hữu Tiến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
32	Trần Trường Tiến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
33	Kiều Huế Trâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
34	Đặng Văn Hữu Trọng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
37	Lê Quốc Tuấn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
38	Phan Thanh Tuấn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
40	Phạm Tiến Vươn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
42	Nguyễn Thủy Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
43	Tôn Nguyễn Thủy Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
44	Nguyễn Lê Tường Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
45	Nguyễn Cao Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Hồ Minh Tiến

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 28/48

HDTrN-HN

HỌC KỲ I

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhân xét)

STT	Họ và tên	Mức đánh giá								Ghi Chú	
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)						Giữa kỳ	Cuối kỳ		Học kỳ
		Thường Xuyên									
1	Nguyễn Thị Lan Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
4	Lê Thị Thủy Dương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
5	Nguyễn Thị Thủy Dương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
6	Phạm Minh Giang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
9	Trần Thị Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
10	Trần Quan Hậu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
12	Nguyễn Thiên Huy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
13	Nguyễn Hoàng Kha	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
16	Phan Thị Trúc Linh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
17	Nguyễn Chiến Long	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
18	Nguyễn Nhật Long	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
19	Nguyễn Kim Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
21	Bùi Hồng Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
23	Trần Trí Nhân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
26	Lê Chí Tài	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
28	Lương Thị Hồng Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
29	Trịnh Gia Thiều	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
31	Nguyễn Hữu Tiến	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
32	Trần Trường Tiến	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
33	Kiều Huế Trâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
34	Đặng Văn Hữu Trọng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
37	Lê Quốc Tuấn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
38	Phan Thanh Tuấn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
40	Phạm Tiến Vươn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
42	Nguyễn Thủy Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
43	Tôn Nguyễn Thủy Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
44	Nguyễn Lê Tường Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
45	Nguyễn Cao Như Ý	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đỗ Nguyễn Hoàng Thuý Vy

TỔNG HỢP HỌC KỲ I

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa Lý	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Giáo dục kinh tế và pháp		
1	Nguyễn Thị Lan Anh	Đ	Đ	Đ	6,1	8,6	9,0	7,8	6,8	8,4	6,9	8,9	8,4	K	T
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	Đ	Đ	Đ	7,6	9,1	9,1	8,6	9,7	8,8	7,6	8,9	8,1	T	T
3	Nguyễn Ngọc Trân Châu	Đ	Đ	Đ	8,6	9,3	9,3	8,4	7,0	9,1	7,7	8,1	8,3	T	T
4	Lê Thị Thùy Dương	Đ	Đ	Đ	6,7	6,9	8,0	6,7	5,9	7,3	7,4	8,0	8,3	K	T
5	Nguyễn Thị Thùy Dương	Đ	Đ	Đ	6,8	8,0	8,8	8,7	7,6	8,4	8,3	7,6	8,4	T	T
6	Phạm Minh Giang	Đ	Đ	Đ	7,6	7,9	7,8	7,0	7,5	7,8	6,8	8,3	7,6	K	T
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	Đ	Đ	Đ	7,8	8,4	8,9	7,7	7,3	8,3	6,4	7,5	8,3	K	T
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	Đ	Đ	Đ	6,1	6,0	6,8	6,6	6,4	5,7	6,0	7,7	8,2	Đ	T
9	Trần Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	6,2	6,3	7,4	7,2	5,4	7,2	6,8	8,0	8,2	K	T
10	Trần Quan Hậu	Đ	Đ	Đ	7,5	6,9	6,8	7,2	7,9	7,0	7,8	6,6	8,1	K	T
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	Đ	Đ	Đ	6,9	7,1	7,5	6,6	5,8	7,1	7,4	7,4	7,3	K	T
12	Nguyễn Thiên Huy	Đ	Đ	Đ	8,6	9,6	9,4	8,8	9,6	8,6	9,0	8,9	9,0	T	T
13	Nguyễn Hoàng Kha	Đ	Đ	Đ	7,3	8,4	8,4	6,8	5,1	7,2	7,2	7,4	8,3	K	T
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	Đ	Đ	Đ	7,2	7,3	7,6	6,7	6,2	6,4	6,7	7,9	8,1	K	T
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	Đ	Đ	Đ	7,2	6,9	7,2	8,0	8,3	7,5	7,3	6,6	8,2	K	T
16	Phan Thị Trúc Linh	Đ	Đ	Đ	5,8	8,3	8,8	7,0	7,2	7,9	6,9	8,6	8,2	K	T
17	Nguyễn Chiến Long	Đ	Đ	Đ	9,1	8,9	8,5	8,5	9,3	8,6	7,2	7,1	7,1	T	T
18	Nguyễn Nhật Long	Đ	Đ	Đ	7,6	8,1	8,8	7,6	7,6	8,8	8,5	8,2	8,1	T	T
19	Nguyễn Kim Ngân	Đ	Đ	Đ	6,2	7,6	7,9	7,7	5,6	7,2	5,7	8,7	8,5	K	T
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	Đ	Đ	Đ	7,8	8,8	8,8	7,9	7,5	8,4	6,6	7,5	7,9	K	T
21	Bùi Hồng Ngọc	Đ	Đ	Đ	7,0	8,1	8,2	8,2	8,6	8,8	8,0	8,8	7,6	T	T
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	Đ	Đ	Đ	9,6	8,8	9,2	8,4	8,8	8,3	6,9	6,6	8,1	T	T
23	Trần Trí Nhân	Đ	Đ	Đ	6,4	6,4	5,8	7,4	7,0	5,1	7,3	6,6	7,7	Đ	T
24	Vô Nguyễn Yến Nhi	Đ	Đ	Đ	6,1	8,7	8,9	7,6	7,3	8,4	6,6	8,1	8,5	K	T
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	Đ	Đ	Đ	6,9	7,8	8,1	8,8	8,8	8,7	7,6	7,8	8,4	K	T
26	Lê Chí Tài	Đ	Đ	Đ	9,3	8,4	8,9	8,3	8,4	9,4	7,1	6,7	7,6	T	T
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	Đ	Đ	Đ	6,7	6,9	8,1	7,4	7,0	7,8	6,9	7,6	7,9	K	T
28	Lương Thị Hồng Thảo	Đ	Đ	Đ	5,9	7,6	7,1	6,6	7,0	6,8	7,1	8,5	8,1	K	T
29	Trịnh Gia Thiệu	Đ	Đ	Đ	6,6	5,7	7,4	6,6	5,9	4,9	6,9	6,5	8,0	Đ	T
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	Đ	Đ	Đ	8,3	8,4	8,9	7,4	7,1	8,1	6,5	7,8	8,3	K	T
31	Nguyễn Hữu Tiến	Đ	Đ	Đ	6,7	7,7	6,1	7,3	5,3	6,1	8,4	6,0	8,1	Đ	T
32	Trần Trường Tiến	Đ	Đ	Đ	8,5	9,4	9,3	8,1	7,4	9,8	7,6	8,4	8,2	T	T
33	Kiều Huế Trâm	Đ	Đ	Đ	8,9	9,4	9,3	8,4	7,0	8,8	8,0	8,1	8,2	T	T
34	Đặng Văn Hữu Trọng	Đ	Đ	Đ	8,2	8,3	9,1	7,9	8,8	8,5	6,8	7,4	7,7	K	T
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Đ	Đ	Đ	8,7	9,5	8,7	8,4	8,6	8,8	7,0	9,1	7,6	T	T
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	Đ	Đ	Đ	7,7	8,1	9,4	7,1	8,9	8,9	6,9	7,3	8,2	K	T
37	Lê Quốc Tuấn	Đ	Đ	Đ	7,2	7,6	7,1	7,1	7,7	6,7	7,4	8,0	8,1	K	T
38	Phan Thanh Tuấn	Đ	Đ	Đ	6,8	7,8	7,8	6,8	6,6	6,3	7,4	7,0	7,3	K	T
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Đ	Đ	Đ	7,2	7,2	8,0	7,7	7,4	7,7	7,3	6,7	8,4	K	T
40	Phạm Tiến Vươn	Đ	Đ	Đ	9,8	9,9	9,8	8,9	9,8	9,6	8,0	8,9	7,3	T	T
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	Đ	Đ	Đ	7,9	7,8	8,5	7,8	7,8	8,3	7,1	8,1	7,8	K	T
42	Nguyễn Thúy Vy	Đ	Đ	Đ	6,6	7,6	7,1	7,4	5,8	7,2	6,2	6,6	8,3	K	T
43	Tôn Nguyễn Thúy Vy	Đ	Đ	Đ	6,6	7,9	6,9	7,2	6,7	7,6	7,8	6,7	8,2	K	T
44	Nguyễn Lê Tường Vy	Đ	Đ	Đ	8,7	9,0	9,1	7,7	7,0	8,3	7,6	7,4	8,3	K	T
45	Nguyễn Cao Như Ý	Đ	Đ	Đ	7,5	8,9	8,6	8,2	7,9	8,4	7,1	8,1	8,3	T	T
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	Đ	Đ	Đ	8,6	8,2	9,1	7,8	7,6	8,3	6,9	6,9	8,4	K	T

Giáo viên chủ nhiệm

Ký và ghi rõ họ tên

Nguyễn Trương Đăng Khoa

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ II

HỌC KỲ II

Toán

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Thị Lan Anh	8,0	7,0	4,0	5,0		7,0	7,3	6,7	6.5			
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	10,0	10,0	7,0	9,0		8,0	8,8	8,7	8.3			
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu	9,0	10,0	10,0	10,0		9,0	8,5	9,2	9.0			
4	Lê Thị Thủy Dương	8,0	9,0	10,0	9,0		7,0	6,5	7,7	7.4			
5	Nguyễn Thị Thủy Dương	8,0	10,0	10,0	10,0		7,0	7,0	8,1	7.7			
6	Phạm Minh Giang	10,0	9,0	6,0	10,0		7,0	9,3	8,5	8.2			
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	8,0	9,0	8,0	10,0		8,8	4,5	7,3	7.5			
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	8,0	8,0	6,0	9,0		6,3	6,0	6,8	6.6			
9	Trần Thị Ngọc Hân	8,0	9,0	8,0	10,0		6,5	6,3	7,4	7.0			
10	Trần Quan Hậu	8,0	8,0	5,0	9,0		6,3	5,8	6,7	7.0			
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	8,0	8,0	6,0	8,0		4,0	8,3	7,0	7.0			
12	Nguyễn Thiên Huy	8,0	10,0	10,0	8,0		9,0	7,8	8,6	8.6			
13	Nguyễn Hoàng Kha	8,0	10,0	10,0	10,0		7,5	7,5	8,4	8.0			
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	8,0	8,0	10,0	5,0		6,8	6,5	7,1	7.1			
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	8,0	7,0	6,0	5,0		6,8	5,8	6,3	6.6			
16	Phan Thị Trúc Linh	8,0	7,0	2,0	7,0		5,0	6,3	5,9	5.9			
17	Nguyễn Chiến Long	8,0	9,0	5,0	10,0		6,5	8,3	7,8	8.2			
18	Nguyễn Nhật Long	8,0	8,0	6,0	7,0		6,3	7,3	7,1	7.3			
19	Nguyễn Kim Ngân	8,0	7,0	4,0	4,0		6,3	6,5	6,1	6.1			
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	8,0	7,0	4,0	6,0		6,5	7,3	6,7	7.1			
21	Bùi Hồng Ngọc	9,0	9,0	6,0	10,0		6,8	7,8	7,9	7.6			
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	8,0	9,0	7,0	10,0		7,3	8,8	8,3	8.7			
23	Trần Tri Nhân	8,0	7,0	6,0	6,0		5,8	4,0	5,6	5.9			
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	8,0	8,0	7,0	5,0		8,5	7,0	7,3	6.9			
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	9,0	10,0	9,0	10,0		8,0	8,3	8,8	8.2			
26	Lê Chí Tài	10,0	10,0	8,0	10,0		8,3	7,5	8,6	8.8			
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	8,0	9,0	8,0	10,0		5,5	6,5	7,3	7.1			
28	Lương Thị Hồng Thảo	9,0	9,0	8,0	7,0		7,5	7,0	7,7	7.1			
29	Trịnh Gia Thiệu	8,0	7,0	7,0	7,0		4,3	5,0	5,8	6.1			
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	8,0	9,0	5,0	10,0		7,3	7,5	7,7	7.9			
31	Nguyễn Hữu Tiến	8,0	7,0	7,0	5,0		5,5	5,8	6,2	6.4			
32	Trần Trường Tiến	9,0	9,0	8,0	8,0		8,5	7,8	8,3	8.4			
33	Kiểu Huế Trâm	9,0	10,0	10,0	10,0		9,0	7,8	8,9	8.9			
34	Đặng Văn Hữu Trọng	8,0	8,0	6,0	7,0		5,5	7,5	6,9	7.3			
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	8,0	9,0	6,0	10,0		7,0	8,8	8,2	8.4			
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	8,0	9,0	8,0	10,0		6,5	8,8	8,3	8.1			
37	Lê Quốc Tuấn	8,0	7,0	4,0	7,0		5,3	7,3	6,5	6.7			
38	Phan Thanh Tuấn	8,0	8,0	5,0	9,0		5,5	7,8	7,2	7.1			
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	8,0	9,0	10,0	9,0		7,5	7,5	8,2	7.9			
40	Phạm Tiến Vươn	10,0	10,0	8,0	10,0		7,5	9,5	9,1	9.3			
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	8,0	8,0	6,0	8,0		5,8	7,3	7,1	7.4			
42	Nguyễn Thúy Vy	8,0	7,0	5,0	7,0		6,3	6,0	6,4	6.5			
43	Tôn Nguyễn Thúy Vy	8,0	8,0	8,0	7,0		5,0	5,8	6,5	6.5			
44	Nguyễn Lê Tường Vy	9,0	10,0	10,0	10,0		8,5	7,5	8,7	8.7			
45	Nguyễn Cao Như Ý	8,0	8,0	6,0	9,0		6,8	6,3	7,1	7.2			
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	8,0	9,0	4,0	10,0		7,3	8,8	8,0	8.2			

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Duy Phương

Vật lý HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Thị Lan Anh	9,0	9,0	9,0			8,0	9,5	8,9	8.8			Chăm ngoan, học giỏi
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	9,0	9,0	9,0			8,3	9,5	9,0	9.0			Chăm ngoan, học tốt
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu	9,0	8,0	8,0			9,5	7,8	8,4	8.7			Chăm ngoan, học giỏi
4	Lê Thị Thủy Dương	9,0	9,0	8,0			8,0	8,5	8,4	7.9			Chăm ngoan, học giỏi
5	Nguyễn Thị Thủy Dương	9,0	9,0	8,0			8,3	8,8	8,6	8.4			Chăm ngoan, học giỏi
6	Phạm Minh Giang	9,0	9,0	8,0			9,0	7,0	8,1	8.0			Chăm ngoan, học giỏi
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	9,0	7,0	7,0			8,0	7,0	7,5	7.8			Chăm ngoan, học khá
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	9,0	9,0	9,0			7,0	6,0	7,4	6.9			Chăm ngoan, học khá
9	Trần Thị Ngọc Hân	9,0	8,0	9,0			7,0	8,3	8,1	7.5			Chăm ngoan, học giỏi
10	Trần Quan Hậu	9,0	9,0	7,0			7,5	6,0	7,3	7.2			Chăm ngoan, học khá
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	7,0	8,0	8,0			7,5	6,0	7,0	7.0			Chăm ngoan, học khá
12	Nguyễn Thiên Huy	10,0	9,0	9,0			8,5	9,0	9,0	9.2			Chăm ngoan, học tốt
13	Nguyễn Hoàng Kha	5,0	5,0	7,0			8,8	9,0	7,7	7.9			Chăm ngoan, học khá
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	9,0	7,0	7,0			7,0	6,0	6,9	7.0			Chăm ngoan, học khá
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	8,0	9,0	7,0			7,5	6,8	7,4	7.2			Chăm ngoan, học khá
16	Phan Thị Trúc Linh	9,0	9,0	8,0			7,0	7,0	7,6	7.8			Chăm ngoan, học khá
17	Nguyễn Chiến Long	9,0	8,0	8,0			7,5	7,0	7,6	8.0			Chăm ngoan, học khá
18	Nguyễn Nhật Long	9,0	9,0	8,0			8,0	7,0	7,9	8.0			Chăm ngoan, học khá
19	Nguyễn Kim Ngân	9,0	9,0	8,0			7,0	6,5	7,4	7.5			Chăm ngoan, học khá
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	9,0	8,0	8,0			8,8	6,5	7,8	8.1			Chăm ngoan, học khá
21	Bùi Hồng Ngọc	9,0	8,0	9,0			8,0	8,3	8,4	8.3			Chăm ngoan, học giỏi
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	9,0	9,0	8,0			8,5	6,5	7,8	8.1			Chăm ngoan, học khá
23	Trần Trí Nhân	9,0	7,0	8,0			7,0	6,5	7,2	6.9			Chăm ngoan, học khá
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	9,0	9,0	8,0			7,5	9,5	8,7	8.7			Chăm ngoan, học giỏi
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	9,0	9,0	8,0			8,8	9,8	9,1	8.7			Chăm ngoan, học tốt
26	Lê Chí Tài	10,0	9,0	9,0			8,8	9,8	9,4	9.1			Chăm ngoan, học tốt
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	9,0	7,0	7,0			7,3	7,3	7,4	7.2			Chăm ngoan, học khá
28	Lương Thị Hồng Thảo	9,0	9,0	8,0			7,0	7,0	7,6	7.6			Chăm ngoan, học khá
29	Trịnh Gia Thiệu	9,0	6,0	8,0			7,0	5,5	6,7	6.4			Chăm ngoan, học khá
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	7,0	7,0	7,0			7,8	8,0	7,6	7.9			Chăm ngoan, học khá
31	Nguyễn Hữu Tiến	9,0	9,0	9,0			7,0	5,0	7,0	7.2			Chăm ngoan, học khá
32	Trần Trường Tiến	9,0	7,0	9,0			10,0	9,3	9,1	9.2			Chăm ngoan, học tốt
33	Kiều Huế Trâm	9,0	7,0	9,0			9,0	8,3	8,5	8.8			Chăm ngoan, học giỏi
34	Đặng Văn Hữu Trọng	9,0	8,0	9,0			9,0	8,3	8,6	8.5			Chăm ngoan, học giỏi
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	9,0	8,0	10,0			8,5	8,0	8,5	8.8			Chăm ngoan, học giỏi
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	9,0	9,0	9,0			8,5	9,8	9,2	8.8			Chăm ngoan, học tốt
37	Lê Quốc Tuấn	9,0	7,0	8,0			7,5	6,5	7,3	7.4			Chăm ngoan, học khá
38	Phan Thanh Tuấn	9,0	9,0	9,0			8,5	6,8	8,1	8.0			Chăm ngoan, học giỏi
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	9,0	6,0	8,0			8,3	6,5	7,4	7.3			Chăm ngoan, học khá
40	Phạm Tiến Vươn	9,0	10,0	10,0			9,5	9,5	9,6	9.7			Chăm ngoan, học tốt
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	9,0	8,0	8,0			8,0	7,0	7,8	7.8			Chăm ngoan, học khá
42	Nguyễn Thúy Vy	9,0	9,0	8,0			7,0	6,0	7,3	7.4			Chăm ngoan, học khá
43	Tôn Nguyễn Thúy Vy	7,0	7,0	8,0			8,0	6,0	7,0	7.3			Chăm ngoan, học khá
44	Nguyễn Lê Tường Vy	9,0	7,0	9,0			9,3	8,3	8,6	8.7			Chăm ngoan, học giỏi
45	Nguyễn Cao Như Ý	10,0	7,0	9,0			8,0	5,5	7,3	7.8			Chăm ngoan, học khá
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	9,0	7,0	8,0			8,0	7,8	7,9	8.0			Chăm ngoan, học khá

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Tấn Phương

HÓA HỌC HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Thị Lan Anh	10,0	9,0	10,0			9,0	10,0	9,6	9.4			Học tốt. Chăm, ngoan
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	10,0	9,0	10,0			9,8	10,0	9,8	9.6			Học tốt. Chăm, ngoan
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu	9,0	10,0	9,0			8,3	9,5	9,1	9.2			Học tốt. Chăm, ngoan
4	Lê Thị Thùy Dương	7,0	8,0	8,0			6,5	9,0	7,9	7.9			Học khá. Chăm, ngoan
5	Nguyễn Thị Thùy Dương	8,0	10,0	8,0			7,3	7,5	7,9	8.2			Học khá. Chăm, ngoan
6	Phạm Minh Giang	9,0	8,0	9,0			6,3	8,0	7,8	7.8			Học khá. Chăm, ngoan
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	7,0	8,0	8,0			7,8	10,0	8,6	8.7			Học tốt. Chăm, ngoan
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	7,0	8,0	8,0			6,0	6,5	6,8	6.8			Học khá. Chăm, ngoan
9	Trần Thị Ngọc Hân	7,0	7,0	8,0			7,8	7,5	7,5	7.5			Học khá. Chăm, ngoan
10	Trần Quan Hậu	7,0	7,0	8,0			5,8	7,0	6,8	6.8			Học khá. Chăm, ngoan
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	8,0	7,0	8,0			6,0	6,3	6,7	7.0			Học khá. Chăm, ngoan
12	Nguyễn Thiên Huy	10,0	9,0	10,0			8,3	8,5	8,9	9.1			Học tốt. Chăm, ngoan
13	Nguyễn Hoàng Kha	7,0	8,0	8,0			7,3	9,3	8,2	8.3			Học tốt. Chăm, ngoan
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	7,0	8,0	8,0			6,0	5,8	6,6	6.9			Học khá. Chăm, ngoan
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	7,0	8,0	8,0			8,8	9,5	8,6	8.1			Học tốt. Chăm, ngoan
16	Phan Thị Trúc Linh	8,0	10,0	9,0			7,8	10,0	9,1	9.0			Học tốt. Chăm, ngoan
17	Nguyễn Chiến Long	7,0	8,0	8,0			7,0	8,0	7,6	7.9			Học khá. Chăm, ngoan
18	Nguyễn Nhật Long	8,0	8,0	8,0			6,0	8,8	7,8	8.1			Học khá. Chăm, ngoan
19	Nguyễn Kim Ngân	8,0	10,0	8,0			7,5	7,0	7,8	7.8			Học khá. Chăm, ngoan
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	7,0	8,0	8,0			9,3	9,8	8,9	8.9			Học tốt. Chăm, ngoan
21	Bùi Hồng Ngọc	7,0	8,0	8,0			10,0	9,5	8,9	8.7			Học tốt. Chăm, ngoan
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	8,0	7,0	8,0			9,0	9,8	8,8	8.9			Học tốt. Chăm, ngoan
23	Trần Trí Nhân	7,0	8,0	7,0			4,8	7,0	6,6	6.3			Học khá. Chăm, ngoan
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	10,0	10,0	9,0			8,5	9,0	9,1	9.0			Học tốt. Chăm, ngoan
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	8,0	8,0	8,0			5,0	8,3	7,4	7.6			Học khá. Chăm, ngoan
26	Lê Chí Tài	8,0	8,0	8,0			9,8	10,0	9,2	9.1			Học tốt. Chăm, ngoan
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	7,0	8,0	8,0			6,5	6,5	6,9	7.3			Học khá. Chăm, ngoan
28	Lương Thị Hồng Thảo	7,0	7,0	8,0			7,8	7,5	7,5	7.4			Học khá. Chăm, ngoan
29	Trịnh Gia Thiều	7,0	7,0	8,0			5,3	7,3	6,8	7.0			Học khá. Chăm, ngoan
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	8,0	8,0	9,0			9,3	9,0	8,8	8.8			Học tốt. Chăm, ngoan
31	Nguyễn Hữu Tiến	7,0	8,0	8,0			7,0	7,3	7,4	7.0			Học khá. Chăm, ngoan
32	Trần Trường Tiến	8,0	9,0	9,0			8,3	9,5	8,9	9.0			Học tốt. Chăm, ngoan
33	Kiều Huế Trâm	9,0	10,0	9,0			8,3	9,5	9,1	9.2			Học tốt. Chăm, ngoan
34	Đặng Văn Hữu Trọng	8,0	9,0	9,0			9,3	9,8	9,3	9.2			Học tốt. Chăm, ngoan
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	8,0	8,0	8,0			7,3	9,5	8,4	8.5			Học tốt. Chăm, ngoan
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	8,0	9,0	9,0			8,8	9,3	8,9	9.1			Học tốt. Chăm, ngoan
37	Lê Quốc Tuấn	7,0	8,0	8,0			4,8	7,8	7,0	7.0			Học khá. Chăm, ngoan
38	Phan Thanh Tuấn	7,0	8,0	8,0			6,5	7,3	7,2	7.4			Học khá. Chăm, ngoan
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	7,0	10,0	8,0			6,5	6,8	7,3	7.5			Học khá. Chăm, ngoan
40	Phạm Tiến Vươn	10,0	10,0	10,0			10,0	10,0	10,0	9.9			Học tốt. Chăm, ngoan
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	8,0	8,0	8,0			6,5	8,8	7,9	8.1			Học khá. Chăm, ngoan
42	Nguyễn Thúy Vy	7,0	8,0	8,0			6,5	7,5	7,3	7.2			Học khá. Chăm, ngoan
43	Tôn Nguyễn Thúy Vy	7,0	8,0	8,0			6,0	9,5	7,9	7.6			Học khá. Chăm, ngoan
44	Nguyễn Lê Tường Vy	8,0	10,0	9,0			8,0	9,8	9,1	9.1			Học tốt. Chăm, ngoan
45	Nguyễn Cao Như Ý	7,0	7,0	8,0			7,0	9,0	7,9	8.1			Học khá. Chăm, ngoan
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	8,0	9,0	8,0			7,5	9,8	8,7	8.8			Học tốt. Chăm, ngoan

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ung Nguyễn Thị Thùy Dương

HỌC KỲ II Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Thị Lan Anh	8,0	8,0	9,0	8,0	8,0	7,5	8,0	8,0	7.9			chăm, ngoan, học giỏi
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	8,0	8,5	9,2	9.0			Học giỏi, năng động, tích cực
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu	10,0	9,0	10,0	8,0	9,0	9,0	8,5	9,0	8.8			chăm, ngoan, học giỏi
4	Lê Thị Thủy Dương	8,0	8,0	8,0	8,0	9,0	8,5	7,0	7,9	7.5			ngoan, học khá
5	Nguyễn Thị Thủy Dương	9,0	9,0	9,0	8,0	10,0	8,0	8,5	8,7	8.7			chăm, ngoan, học giỏi
6	Phạm Minh Giang	9,0	10,0	8,0	8,0	9,0	6,5	6,0	7,5	7.3			ngoan, học khá
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	8,0	8,0	10,0	9,0	8,0	7,5	8,0	8,2	8.0			chăm, ngoan, học giỏi
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	8,0	9,0	8,0	8,0	9,0	7,0	8,0	8,0	7.5			chăm, ngoan, học giỏi
9	Trần Thị Ngọc Hân	8,0	9,0	8,0	9,0	9,0	7,5	7,0	7,9	7.7			ngoan, học khá
10	Trần Quan Hậu	9,0	8,0	7,0	9,0	7,0	5,0	6,5	7,0	7.1			ngoan, học khá
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	9,0	9,0	9,0	8,0	8,0	6,0	7,5	7,8	7.4			ngoan, học khá
12	Nguyễn Thiên Huy	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	9,0	8,5	9,4	9.2			Học giỏi, năng động, tích cực
13	Nguyễn Hoàng Kha	8,0	9,0	10,0	9,0	8,0	7,0	8,5	8,4	7.9			chăm, ngoan, học giỏi
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	8,0	7,0	8,0	8,0	9,0	5,5	6,5	7,1	7.0			ngoan, học khá
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	9,0	9,0	10,0	9,0	8,0	9,0	8,0	8,7	8.5			chăm, ngoan, học giỏi
16	Phan Thị Trúc Linh	8,0	9,0	10,0	9,0	8,0	7,5	7,5	8,2	7.8			chăm, ngoan, học giỏi
17	Nguyễn Chiến Long	8,0	6,0	9,0	9,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8.2			chăm, ngoan, học giỏi
18	Nguyễn Nhật Long	8,0	9,0	10,0	8,0	9,0	6,5	7,5	8,0	7.9			chăm, ngoan, học giỏi
19	Nguyễn Kim Ngân	8,0	8,0	9,0	8,0	8,0	8,5	7,5	8,1	8.0			chăm, ngoan, học giỏi
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	8,0	8,0	8,0	9,0	9,0	7,5	8,0	8,1	8.0			chăm, ngoan, học giỏi
21	Bùi Hồng Ngọc	8,0	8,0	10,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,6	8.5			chăm, ngoan, học giỏi
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	10,0	9,0	10,0	8,0	9,0	8,0	8,5	8,8	8.7			chăm, ngoan, học giỏi
23	Trần Trí Nhân	8,0	8,0	9,0	7,0	9,0	7,0	6,5	7,5	7.5			ngoan, học khá
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	8,0	6,0	8,0	8,0	8,0	7,0	8,0	7,6	7.6			ngoan, học khá
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	8,0	8,0	9,0	8.9			Học giỏi, năng động, tích cực
26	Lê Chí Tài	10,0	10,0	9,0	8,0	9,0	8,5	8,0	8,7	8.6			chăm, ngoan, học giỏi
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	8,0	8,0	6,0	8,0	8,0	5,0	7,5	7,1	7.2			ngoan, học khá
28	Lương Thị Hồng Thảo	8,0	9,0	9,0	8,0	9,0	7,5	8,0	8,2	7.7			chăm, ngoan, học giỏi
29	Trịnh Gia Thiệu	10,0	9,0	10,0	8,0	10,0	6,5	7,0	8,1	7.6			chăm, ngoan, học giỏi
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	8,0	7,0	10,0	9,0	8,0	7,5	7,5	8,0	7.8			chăm, ngoan, học giỏi
31	Nguyễn Hữu Tiến	8,0	7,0	9,0	9,0	7,0	7,0	6,5	7,4	7.4			ngoan, học khá
32	Trần Trường Tiến	8,0	8,0	9,0	8,0	8,0	8,0	6,5	7,7	7.8			ngoan, học khá
33	Kiều Huế Trâm	9,0	8,0	9,0	9,0	9,0	8,5	9,0	8,8	8.7			chăm, ngoan, học giỏi
34	Đặng Văn Hữu Trọng	8,0	8,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,0	8,3	8.2			chăm, ngoan, học giỏi
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	8,0	8,0	8,0	9,0	8,0	9,0	7,5	8,2	8.3			chăm, ngoan, học giỏi
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	8,0	9,0	8,0	9,0	9,0	7,5	8,5	8,4	8.0			chăm, ngoan, học giỏi
37	Lê Quốc Tuấn	9,0	7,0	10,0	8,0	8,0	6,5	7,5	7,8	7.6			ngoan, học khá
38	Phan Thanh Tuấn	8,0	7,0	8,0	8,0	7,0	6,5	7,5	7,4	7.2			ngoan, học khá
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	8,0	7,0	9,0	8,0	8,0	5,5	6,5	7,1	7.3			ngoan, học khá
40	Phạm Tiến Vươn	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	8,0	8,0	9,0	9.0			Học giỏi, năng động, tích cực
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	8,0	8,0	9,0	9,0	9,0	7,5	8,5	8,4	8.2			chăm, ngoan, học giỏi
42	Nguyễn Thúy Vy	8,0	8,0	8,0	8,0	9,0	6,5	7,0	7,5	7.5			ngoan, học khá
43	Tôn Nguyễn Thúy Vy	8,0	7,0	9,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,1	7.8			chăm, ngoan, học giỏi
44	Nguyễn Lê Tường Vy	8,0	8,0	8,0	9,0	8,0	8,0	9,8	8,6	8.3			chăm, ngoan, học giỏi
45	Nguyễn Cao Như Ý	8,0	8,0	9,0	8,0	7,0	8,5	8,5	8,3	8.3			chăm, ngoan, học giỏi
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	8,0	8,0	10,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,6	8.3			chăm, ngoan, học giỏi

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Mộng Linh, Võ Thị Kiều Trang

HỌC KỲ II Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Thị Lan Anh	7,0	8,0	8,0	8,0		8,5	9,8	8,6	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	10,0	10,0	10,0	10,0		8,8	10,0	9,7	9.7			Học tốt, chăm ngoan.
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu	10,0	9,0	9,0	8,0		8,5	9,5	9,1	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
4	Lê Thị Thủy Dương	8,0	10,0	10,0	8,0		8,0	9,5	8,9	7.9			Học tốt, chăm ngoan.
5	Nguyễn Thị Thủy Dương	8,0	8,0	8,0	8,0		8,5	8,5	8,3	8.1			Học tốt, chăm ngoan.
6	Phạm Minh Giang	9,0	10,0	10,0	9,0		8,3	8,3	8,8	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	8,0	10,0	10,0	7,0		6,5	9,3	8,4	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	7,0	10,0	10,0	8,0		7,8	8,5	8,5	7.8			Học tốt, chăm ngoan.
9	Trần Thị Ngọc Hân	8,0	10,0	10,0	8,0		6,0	7,8	7,9	7.1			Học khá, chăm ngoan.
10	Trần Quan Hậu	9,0	9,0	9,0	8,0		7,5	7,5	8,1	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	8,0	10,0	10,0	7,0		6,0	8,0	7,9	7.2			Học khá, chăm ngoan.
12	Nguyễn Thiên Huy	9,0	10,0	10,0	10,0		9,5	9,3	9,5	9.5			Học tốt, chăm ngoan.
13	Nguyễn Hoàng Kha	7,0	8,0	8,0	7,0		7,8	7,8	7,7	6.8			Học khá, chăm ngoan.
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	7,0	10,0	10,0	8,0		6,8	7,5	7,9	7.3			Học khá, chăm ngoan.
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	8,0	10,0	10,0	10,0		9,5	9,8	9,6	9.2			Học tốt, chăm ngoan.
16	Phan Thị Trúc Linh	7,0	8,0	8,0	8,0		7,5	8,8	8,0	7.7			Học tốt, chăm ngoan.
17	Nguyễn Chiến Long	10,0	10,0	10,0	9,0		7,8	9,0	9,1	9.2			Học tốt, chăm ngoan.
18	Nguyễn Nhật Long	7,0	10,0	10,0	8,0		7,5	9,0	8,6	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
19	Nguyễn Kim Ngân	7,0	8,0	8,0	8,0		8,5	9,5	8,5	7.5			Học tốt, chăm ngoan.
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	7,0	10,0	10,0	8,0		7,3	9,3	8,6	8.2			Học tốt, chăm ngoan.
21	Bùi Hồng Ngọc	9,0	10,0	10,0	8,0		9,0	9,3	9,2	9.0			Học tốt, chăm ngoan.
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	9,0	10,0	10,0	9,0		8,0	9,3	9,1	9.0			Học tốt, chăm ngoan.
23	Trần Trí Nhân	7,0	10,0	10,0	7,0		7,0	8,3	8,1	7.7			Học tốt, chăm ngoan.
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	9,0	8,0	8,0	8,0		7,8	9,3	8,5	8.1			Học tốt, chăm ngoan.
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	10,0	8,0	8,0	8,0		7,5	9,5	8,6	8.7			Học tốt, chăm ngoan.
26	Lê Chí Tài	7,0	10,0	10,0	9,0		9,3	9,8	9,3	9.0			Học tốt, chăm ngoan.
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	7,0	8,0	8,0	7,0		7,8	7,0	7,4	7.3			Học khá, chăm ngoan.
28	Lương Thị Hồng Thảo	8,0	10,0	10,0	8,0		8,0	9,5	8,9	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
29	Trịnh Gia Thiều	7,0	10,0	10,0	7,0		5,5	7,0	7,3	6.8			Học khá, chăm ngoan.
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	10,0	10,0	10,0	8,0		7,0	8,5	8,6	8.1			Học tốt, chăm ngoan.
31	Nguyễn Hữu Tiến	7,0	9,0	9,0	8,0		7,0	7,8	7,8	7.0			Học khá, chăm ngoan.
32	Trần Trường Tiến	9,0	9,0	9,0	8,0		8,8	9,5	9,0	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
33	Kiều Huế Trâm	10,0	9,0	9,0	8,0		8,8	9,5	9,1	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
34	Đặng Văn Hữu Trọng	10,0	10,0	10,0	8,0		8,3	9,3	9,2	9.1			Học tốt, chăm ngoan.
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	10,0	10,0	10,0	8,0		8,8	9,0	9,2	9.0			Học tốt, chăm ngoan.
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	9,0	10,0	10,0	8,0		5,8	9,5	8,6	8.7			Học tốt, chăm ngoan.
37	Lê Quốc Tuấn	7,0	10,0	10,0	8,0		6,8	9,0	8,4	8.2			Học tốt, chăm ngoan.
38	Phan Thanh Tuấn	10,0	10,0	10,0	8,0		6,8	8,8	8,7	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	7,0	8,0	8,0	8,0		8,0	7,8	7,8	7.7			Học khá, chăm ngoan.
40	Phạm Tiến Vươn	10,0	10,0	10,0	10,0		9,3	10,0	9,8	9.8			Học tốt, chăm ngoan.
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	10,0	10,0	10,0	8,0		6,0	9,0	8,6	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
42	Nguyễn Thủy Vy	9,0	9,0	9,0	8,0		8,3	7,5	8,2	7.4			Học tốt, chăm ngoan.
43	Tôn Nguyễn Thúy Vy	8,0	10,0	10,0	8,0		8,3	8,3	8,6	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
44	Nguyễn Lê Tường Vy	10,0	9,0	9,0	8,0		8,8	9,8	9,2	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
45	Nguyễn Cao Như Ý	8,0	8,0	8,0	8,0		7,8	9,8	8,6	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	8,0	10,0	10,0	8,0		7,5	8,5	8,5	8.2			Học tốt, chăm ngoan.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lệ Huyền

HỌC KỲ II													
Địa Lý (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Thị Lan Anh	9,0	10,0	5,0			9,0	7,5	8,1	8.2			Chăm ngoan, học tốt
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	10,0	10,0	9,0			10,0	9,0	9,5	9.3			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu	8,0	10,0	9,0			10,0	9,0	9,3	9.2			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
4	Lê Thị Thủy Dương	8,0	7,0	10,0			5,0	5,0	6,3	6.6			Chăm ngoan, cần cố gắng hơn
5	Nguyễn Thị Thủy Dương	8,0	7,0	6,0			7,5	7,0	7,1	7.5			Chăm ngoan, học khá
6	Phạm Minh Giang	9,0	10,0	7,0			8,5	7,5	8,2	8.1			Chăm ngoan, học tốt
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	10,0	10,0	10,0			7,5	5,5	7,7	7.9			Chăm ngoan, học khá
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	6,0	6,0	5,0			6,5	6,0	6,0	5.9			Ngoan, cần cố gắng hơn trong học tập
9	Trần Thị Ngọc Hân	10,0	9,0	5,0			6,5	5,5	6,7	6.9			Chăm ngoan, học khá
10	Trần Quan Hậu	8,0	9,0	6,0			7,5	3,0	5,9	6.3			Ngoan, cần cố gắng hơn trong học tập
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	7,0	9,0	5,0			5,0	8,0	6,9	7.0			Chăm ngoan, học khá
12	Nguyễn Thiên Huy	10,0	10,0	10,0			9,5	9,5	9,7	9.3			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
13	Nguyễn Hoàng Kha	5,0	10,0	9,0			7,0	6,5	7,2	7.2			Chăm ngoan, học khá
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	4,0	10,0	9,0			6,5	5,5	6,6	6.5			Chăm ngoan, học khá
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	7,0	6,0	7,0			8,5	4,0	6,1	6.6			Ngoan, cần cố gắng hơn trong học tập
16	Phan Thị Trúc Linh	8,0	10,0	8,0			9,0	5,0	7,4	7.6			Chăm ngoan, học khá
17	Nguyễn Chiến Long	9,0	10,0	8,0			10,0	8,0	8,9	8.8			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
18	Nguyễn Nhật Long	10,0	9,0	7,0			7,0	7,0	7,6	8.0			Chăm ngoan, học khá
19	Nguyễn Kim Ngân	8,0	10,0	6,0			7,0	6,5	7,2	7.2			Chăm ngoan, học khá
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	9,0	9,0	9,0			8,5	6,5	7,9	8.1			Chăm ngoan, học khá
21	Bùi Hồng Ngọc	7,0	10,0	8,0			8,5	6,5	7,7	8.1			Chăm ngoan, học khá
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	9,0	9,0	9,0			9,5	6,5	8,2	8.2			Chăm ngoan, học tốt
23	Trần Trí Nhân	5,0	6,0	2,0			5,0	6,5	5,3	5.2			Ngoan, cần cố gắng hơn trong học tập
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	10,0	10,0	5,0			9,0	6,0	7,6	7.9			Chăm ngoan, học khá
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	9,0	9,0	9,0			8,5	7,0	8,1	8.3			Chăm ngoan, học tốt
26	Lê Chí Tài	10,0	10,0	9,0			10,0	7,5	8,9	9.1			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	6,0	6,0	9,0			6,0	6,0	6,4	6.9			Ngoan, cần cố gắng hơn trong học tập
28	Lương Thị Hồng Thảo	8,0	6,0	9,0			7,0	7,5	7,4	7.2			Chăm ngoan, học khá
29	Trịnh Gia Thiệu	7,0	9,0	5,0			6,0	6,5	6,6	6.0			Ngoan, cần cố gắng hơn trong học tập
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	8,0	9,0	8,0			6,0	6,5	7,1	7.4			Chăm ngoan, học khá
31	Nguyễn Hữu Tiến	8,0	9,0	7,0			5,0	5,0	6,1	6.1			Ngoan, cần cố gắng hơn trong học tập
32	Trần Trường Tiến	10,0	10,0	9,0			9,5	8,5	9,2	9.4			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
33	Kiều Huế Trâm	10,0	9,0	9,0			9,0	9,5	9,3	9.1			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
34	Đặng Văn Hữu Trọng	10,0	9,0	10,0			9,5	6,5	8,4	8.4			Chăm ngoan, học khá
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	10,0	10,0	10,0			9,0	5,0	7,9	8.2			Chăm ngoan, học khá
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	10,0	10,0	7,0			9,5	9,0	9,1	9.0			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
37	Lê Quốc Tuấn	8,0	9,0	5,0			6,5	5,5	6,4	6.5			Ngoan, cần cố gắng hơn trong học tập
38	Phan Thanh Tuấn	6,0	9,0	8,0			6,0	4,5	6,1	6.2			Ngoan, cần cố gắng hơn trong học tập
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	7,0	6,0	7,0			7,0	6,0	6,5	6.9			Ngoan, cần cố gắng hơn trong học tập
40	Phạm Tiến Vươn	10,0	10,0	10,0			9,5	9,0	9,5	9.5			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	10,0	9,0	10,0			8,0	7,0	8,3	8.3			Chăm ngoan, học tốt
42	Nguyễn Thủy Vy	10,0	10,0	9,0			6,0	6,0	7,4	7.3			Chăm ngoan, học khá
43	Tôn Nguyễn Thúy Vy	8,0	9,0	2,0			6,5	5,0	5,9	6.5			Ngoan, cần cố gắng hơn trong học tập
44	Nguyễn Lê Tường Vy	8,0	9,0	8,0			9,5	8,0	8,5	8.4			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
45	Nguyễn Cao Như Ý	8,0	10,0	7,0			6,5	7,0	7,4	7.7			Chăm ngoan, học khá
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	8,0	9,0	7,0			7,5	4,5	6,6	7.2			Chăm ngoan, học khá

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Hiện

HỌC KỲ II													
Ngoại ngữ 1 (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Thị Lan Anh	7,0	7,0	5,5	6,0		4,5	7,4	6,3	6.5			Học khá, cần cố gắng hơn.
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	9,0	8,0	10,0	8,0		7,5	7,8	8,2	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu	9,5	8,0	10,0	7,0		7,3	9,8	8,7	8.4			Học tốt, tích cực phát biểu.
4	Lê Thị Thủy Dương	9,0	8,0	7,5	10,0		7,3	8,4	8,3	8.0			Học tốt, tích cực phát biểu.
5	Nguyễn Thị Thủy Dương	10,0	8,0	8,5	9,0		8,8	8,4	8,7	8.6			Học tốt, tích cực phát biểu.
6	Phạm Minh Giang	9,0	8,0	10,0	9,0		7,5	8,8	8,6	8.0			Học tốt, tích cực phát biểu.
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	8,0	7,0	6,0	8,0		6,5	7,4	7,1	6.9			Học khá.
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	8,0	7,0	4,5	5,0		4,0	6,2	5,7	5.8			Cần cố gắng hơn.
9	Trần Thị Ngọc Hân	8,0	7,0	5,5	8,0		5,5	7,6	6,9	6.9			Học khá.
10	Trần Quan Hậu	6,5	8,0	7,0	8,0		7,3	6,6	7,1	7.3			Học khá.
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	1,5	7,0	7,5	7,0		5,0	5,4	5,5	6.1			Cần cố gắng hơn.
12	Nguyễn Thiên Huy	9,0	9,0	10,0	10,0		9,8	9,0	9,4	9.3			Học tốt, chăm ngoan.
13	Nguyễn Hoàng Kha	1,5	7,0	9,0	6,0		5,8	6,8	6,2	6.5			Cần cố gắng hơn.
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	7,0	8,0	8,5	7,0		6,3	5,0	6,5	6.6			Học khá, chăm ngoan.
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	6,5	8,0	7,0	6,0		8,5	8,4	7,7	7.6			Học khá, tích cực phát biểu.
16	Phan Thị Trúc Linh	5,5	7,0	5,5	8,0		5,0	6,8	6,3	6.5			Cần cố gắng hơn.
17	Nguyễn Chiến Long	8,5	8,0	7,5	9,0		6,0	5,0	6,7	6.9			Học khá, chăm ngoan.
18	Nguyễn Nhật Long	9,0	7,0	8,5	8,0		7,0	8,4	8,0	8.2			Học tốt, chăm ngoan.
19	Nguyễn Kim Ngân	7,0	7,0	4,5	6,0		2,5	6,8	5,5	5.6			Cần cố gắng hơn.
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	7,5	7,0	6,5	9,0		5,0	5,0	6,1	6.3			Cần cố gắng hơn.
21	Bùi Hồng Ngọc	8,0	8,0	9,5	6,0		7,0	7,4	7,5	7.7			Học khá, chăm ngoan.
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	6,0	8,0	6,0	10,0		7,3	6,8	7,2	7.1			Học khá, chăm ngoan.
23	Trần Trí Nhân	8,5	7,0	6,0	9,0		3,5	6,4	6,3	6.6			Học khá, cần cố gắng hơn.
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	5,0	7,0	4,0	5,0		3,8	6,4	5,3	5.7			Cần cố gắng hơn.
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	10,0	8,0	7,5	10,0		9,8	9,0	9,1	8.6			Học tốt, tích cực phát biểu.
26	Lê Chí Tài	8,5	9,0	9,5	9,0		9,0	9,2	9,1	8.4			Học tốt, tích cực phát biểu.
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	10,0	7,0	7,5	9,0		7,0	7,0	7,6	7.4			Học khá.
28	Lương Thị Hồng Thảo	8,5	7,0	6,0	6,0		5,8	7,0	6,7	6.8			Học khá.
29	Trịnh Gia Thiều	8,5	7,0	7,0	8,0		6,0	6,6	6,9	6.9			Học khá, tích cực phát biểu.
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	3,0	7,0	5,0	7,0		4,5	5,8	5,4	5.8			Cần cố gắng hơn.
31	Nguyễn Hữu Tiến	5,0	8,0	5,5	8,0		5,3	5,0	5,8	6.7			Cần cố gắng hơn.
32	Trần Trường Tiến	8,5	8,0	8,5	6,0		5,3	8,2	7,4	7.5			Học khá, chăm ngoan.
33	Kiều Huế Trâm	9,5	8,0	8,5	6,0		6,5	9,8	8,3	8.2			Học tốt, tích cực phát biểu.
34	Đặng Văn Hữu Trọng	8,0	7,0	9,5	8,0		4,0	8,0	7,2	7.1			Học khá, chăm ngoan.
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	8,5	8,0	6,0	10,0		7,5	5,8	7,2	7.1			Học khá, chăm ngoan.
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	7,0	8,0	8,0	6,0		7,0	8,6	7,6	7.4			Học khá, chăm ngoan.
37	Lê Quốc Tuấn	7,0	8,0	9,0	8,0		8,8	8,4	8,3	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
38	Phan Thanh Tuấn	7,5	7,0	7,5	7,0		5,5	6,8	6,7	6.9			Học khá.
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	10,0	8,0	8,0	10,0		7,3	8,0	8,3	8.0			Học tốt, tích cực phát biểu.
40	Phạm Tiến Vươn	8,0	9,0	10,0	9,0		9,3	9,6	9,3	8.9			Học tốt, tích cực phát biểu.
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	4,5	8,0	7,0	8,0		5,0	6,0	6,2	6.5			Học khá, cần cố gắng hơn.
42	Nguyễn Thủy Vy	7,0	8,0	7,0	9,0		8,8	7,6	7,9	7.3			Học tốt, chăm ngoan.
43	Tôn Nguyễn Thúy Vy	7,5	8,0	7,5	7,0		9,0	8,2	8,1	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
44	Nguyễn Lê Tường Vy	9,5	9,0	8,5	8,0		9,5	10,0	9,3	8.7			Học tốt, tích cực phát biểu.
45	Nguyễn Cao Như Ý	7,5	8,0	10,0	9,0		9,0	6,8	8,1	7.8			Học tốt, chăm ngoan.
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	3,5	7,0	8,0	8,0		4,3	6,0	5,9	6.2			Cần cố gắng hơn.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trương Đăng Khoa

HỌC KỲ II Giáo Dục Quốc Phòng (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Thị Lan Anh	8,0	8,0				9,0	8,0	8,3	8.5			Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập.
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	10,0	8,0				9,0	8,0	8,6	8.7			Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập.
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu	10,0	8,0				9,0	10,0	9,4	9.0			Chăm ngoan, học tốt.
4	Lê Thị Thủy Dương	7,0	8,0				9,0	10,0	9,0	8.7			Chăm ngoan, học tốt.
5	Nguyễn Thị Thủy Dương	6,0	7,0				9,0	10,0	8,7	8.3			Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập.
6	Phạm Minh Giang	10,0	8,0				8,0	8,0	8,3	8.3			Học khá.
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	8,0	8,0				9,0	7,0	7,9	7.8			Học khá.
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	9,0	9,0				9,0	7,0	8,1	8.0			Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập.
9	Trần Thị Ngọc Hân	7,0	7,0				9,0	8,0	8,0	8.0			Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập.
10	Trần Quan Hậu	10,0	7,0				8,0	8,0	8,1	7.6			Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập.
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	8,0	7,0				8,0	9,0	8,3	8.0			Học khá.
12	Nguyễn Thiên Huy	8,0	9,0				8,0	10,0	9,0	9.0			Chăm ngoan, học tốt.
13	Nguyễn Hoàng Kha	7,0	7,0				7,0	10,0	8,3	8.0			Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập.
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	10,0	8,0				9,0	7,0	8,1	8.0			Học khá.
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	6,0	8,0				7,0	8,0	7,4	7.1			Học khá.
16	Phan Thị Trúc Linh	8,0	8,0				8,0	8,0	8,0	8.2			Học khá.
17	Nguyễn Chiến Long	8,0	8,0				8,0	9,0	8,4	8.0			Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập.
18	Nguyễn Nhật Long	6,0	8,0				8,0	9,0	8,1	8.1			Học khá.
19	Nguyễn Kim Ngân	9,0	8,0				8,0	8,0	8,1	8.3			Học khá.
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	7,0	8,0				7,0	8,0	7,6	7.6			Học khá.
21	Bùi Hồng Ngọc	10,0	8,0				9,0	8,0	8,6	8.7			Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập.
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	9,0	9,0				8,0	9,0	8,7	8.0			Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập.
23	Trần Trí Nhân	6,0	7,0				8,0	9,0	8,0	7.5			Học khá.
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	6,0	9,0				8,0	8,0	7,9	8.0			Học khá.
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	8,0	9,0				9,0	10,0	9,3	8.8			Chăm ngoan, học tốt.
26	Lê Chí Tài	10,0	7,0				9,0	8,0	8,4	7.8			Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập.
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	4,0	7,0				7,0	9,0	7,4	7.5			Học khá.
28	Lương Thị Hồng Thảo	9,0	9,0				9,0	7,0	8,1	8.2			Học khá.
29	Trịnh Gia Thiệu	8,0	8,0				9,0	9,0	8,7	8.0			Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập.
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	8,0	9,0				9,0	8,0	8,4	8.2			Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập.
31	Nguyễn Hữu Tiến	10,0	7,0				7,0	8,0	7,9	7.3			Học khá.
32	Trần Trường Tiến	10,0	7,0				9,0	8,0	8,4	8.4			Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập.
33	Kiều Huế Trâm	10,0	9,0				8,0	10,0	9,3	8.9			Chăm ngoan, học tốt.
34	Đặng Văn Hữu Trọng	9,0	7,0				8,0	10,0	8,9	8.4			Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập.
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	9,0	9,0				9,0	9,0	9,0	9.0			Chăm ngoan, học tốt.
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	9,0	9,0				9,0	8,0	8,6	8.2			Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập.
37	Lê Quốc Tuấn	6,0	7,0				8,0	9,0	8,0	8.0			Học khá.
38	Phan Thanh Tuấn	8,0	8,0				8,0	9,0	8,4	7.9			Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập.
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	7,0	7,0				7,0	10,0	8,3	7.8			Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập.
40	Phạm Tiến Vươn	10,0	8,0				9,0	8,0	8,6	8.7			Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập.
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	9,0	9,0				8,0	9,0	8,7	8.5			Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập.
42	Nguyễn Thúy Vy	6,0	9,0				8,0	10,0	8,7	8.0			Học khá, chăm ngoan, có cố gắng nhiều trong học tập.
43	Tôn Nguyễn Thúy Vy	8,0	7,0				8,0	8,0	7,9	7.5			Học khá.
44	Nguyễn Lê Tường Vy	9,0	8,0				8,0	10,0	9,0	8.5			Chăm ngoan, học tốt.
45	Nguyễn Cao Như Ý	6,0	8,0				6,0	8,0	7,1	7.4			Học khá.
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	6,0	8,0				7,0	8,0	7,4	7.2			Học khá.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thu Hằng

HỌC KỲ II													
Giáo dục kinh tế và pháp luật (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Thị Lan Anh	8,0	9,0	9,0			9,3	9,3	9,1	8.9			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	9,0	9,0	9,0			9,8	9,5	9,4	9.0			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu	8,0	9,0	9,0			9,5	9,3	9,1	8.8			Chăm ngoan, học tốt.
4	Lê Thị Thủy Dương	8,0	9,0	9,0			8,8	9,5	9,0	8.8			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
5	Nguyễn Thị Thủy Dương	8,0	9,0	9,0			8,8	9,5	9,0	8.8			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
6	Phạm Minh Giang	8,0	9,0	9,0			8,5	9,0	8,8	8.4			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	8,0	9,0	9,0			9,0	8,5	8,7	8.6			Chăm ngoan, học tốt.
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	8,0	9,0	9,0			8,3	9,0	8,7	8.5			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
9	Trần Thị Ngọc Hân	8,0	9,0	9,0			8,3	9,3	8,8	8.6			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
10	Trần Quan Hậu	8,0	9,0	9,0			8,0	7,8	8,2	8.2			Chăm ngoan, học tốt.
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	8,0	9,0	9,0			8,3	8,5	8,5	8.1			Chăm ngoan, học tốt.
12	Nguyễn Thiên Huy	8,0	9,0	9,0			9,0	9,5	9,1	9.1			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
13	Nguyễn Hoàng Kha	8,0	9,0	9,0			8,3	9,0	8,7	8.6			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	8,0	9,0	9,0			9,0	9,0	8,9	8.6			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	8,0	9,0	9,0			9,3	7,8	8,5	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
16	Phan Thị Trúc Linh	8,0	9,0	9,0			8,5	8,8	8,7	8.5			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
17	Nguyễn Chiến Long	8,0	9,0	9,0			8,3	8,5	8,5	8.0			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
18	Nguyễn Nhật Long	8,0	9,0	9,0			8,5	8,0	8,4	8.3			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
19	Nguyễn Kim Ngân	8,0	9,0	9,0			8,8	9,3	8,9	8.8			Chăm ngoan, học tốt.
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	8,0	9,0	9,0			7,8	8,3	8,3	8.2			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
21	Bùi Hồng Ngọc	8,0	9,0	9,0			9,3	8,0	8,6	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	8,0	9,0	9,0			8,5	8,3	8,5	8.4			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
23	Trần Trí Nhân	8,0	9,0	9,0			7,8	8,0	8,2	8.0			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	8,0	9,0	9,0			9,5	9,3	9,1	8.9			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	8,0	9,0	9,0			9,5	9,3	9,1	8.9			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
26	Lê Chí Tài	8,0	9,0	9,0			9,5	9,0	9,0	8.5			Chăm ngoan, học tốt.
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	8,0	9,0	9,0			9,3	6,0	7,8	7.8			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
28	Lương Thị Hồng Thảo	8,0	9,0	9,0			9,5	9,3	9,1	8.8			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
29	Trịnh Gia Thiệu	8,0	9,0	9,0			6,3	9,0	8,2	8.1			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	8,0	9,0	9,0			7,0	8,5	8,2	8.2			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
31	Nguyễn Hữu Tiến	8,0	9,0	9,0			9,3	9,0	9,0	8.7			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
32	Trần Trường Tiến	8,0	9,0	9,0			8,5	8,5	8,6	8.5			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
33	Kiều Huế Trâm	8,0	9,0	9,0			9,5	8,5	8,8	8.6			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
34	Đặng Văn Hữu Trọng	8,0	9,0	9,0			6,5	9,3	8,4	8.2			Chăm ngoan, học tốt.
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	8,0	9,0	9,0			8,3	8,5	8,5	8.2			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	8,0	9,0	9,0			9,3	9,3	9,1	8.8			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
37	Lê Quốc Tuấn	8,0	9,0	9,0			8,3	9,0	8,7	8.5			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
38	Phan Thanh Tuấn	8,0	9,0	9,0			9,3	9,3	9,1	8.5			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	8,0	9,0	9,0			9,3	9,3	9,1	8.9			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
40	Phạm Tiến Vươn	9,0	9,0	9,0			9,0	9,0	9,0	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	8,0	9,0	9,0			8,3	7,3	8,1	8.0			Chăm ngoan, học tốt.
42	Nguyễn Thủy Vy	8,0	9,0	9,0			9,3	9,5	9,1	8.8			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
43	Tôn Nguyễn Thúy Vy	8,0	9,0	9,0			8,8	8,8	8,8	8.6			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
44	Nguyễn Lê Tường Vy	8,0	9,0	9,0			9,5	9,3	9,1	8.8			Chăm ngoan, học tốt.
45	Nguyễn Cao Như Ý	8,0	9,0	9,0			9,3	9,3	9,1	8.8			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	8,0	9,0	9,0			6,8	9,3	8,4	8.4			Chăm ngoan, học tốt.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đỗ Nguyễn Hoàng Thuý Vy

HỌC KỲ II													
Giáo dục thể chất (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)										Ghi Chú	
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại		
											Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)		Học kỳ
1	Nguyễn Thị Lan Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
4	Lê Thị Thủy Dương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
5	Nguyễn Thị Thủy Dương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
6	Phạm Minh Giang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
9	Trần Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
10	Trần Quan Hậu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
12	Nguyễn Thiên Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
13	Nguyễn Hoàng Kha	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
16	Phan Thị Trúc Linh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
17	Nguyễn Chiến Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
18	Nguyễn Nhật Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
19	Nguyễn Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
21	Bùi Hồng Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
23	Trần Trí Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
26	Lê Chí Tài	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
28	Lương Thị Hồng Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
29	Trịnh Gia Thiệu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
31	Nguyễn Hữu Tiến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
32	Trần Trường Tiến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
33	Kiều Huế Trâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
34	Đặng Văn Hữu Trọng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
37	Lê Quốc Tuấn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
38	Phan Thanh Tuấn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
40	Phạm Tiến Vươn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
42	Nguyễn Thúy Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
43	Tôn Nguyễn Thúy Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
44	Nguyễn Lê Tường Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
45	Nguyễn Cao Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tập luyện tích cực

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn En, Trần Hồ Minh Tiến

HỌC KỲ II													
Giáo dục địa phương (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)										Ghi Chú	
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại		
											Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)		Học kỳ
1	Nguyễn Thị Lan Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá tốt
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá tốt
4	Lê Thị Thủy Dương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá
5	Nguyễn Thị Thủy Dương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
6	Phạm Minh Giang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá tốt
9	Trần Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá
10	Trần Quan Hậu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
12	Nguyễn Thiên Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
13	Nguyễn Hoàng Kha	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá tốt
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá
16	Phan Thị Trúc Linh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
17	Nguyễn Chiến Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
18	Nguyễn Nhật Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá tốt
19	Nguyễn Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá tốt
21	Bùi Hồng Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
23	Trần Trí Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
26	Lê Chí Tài	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá tốt
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá
28	Lương Thị Hồng Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá tốt
29	Trịnh Gia Thiệu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá
31	Nguyễn Hữu Tiến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
32	Trần Trường Tiến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
33	Kiểu Huế Trâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
34	Đặng Văn Hữu Trọng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
37	Lê Quốc Tuấn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá
38	Phan Thanh Tuấn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá tốt
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
40	Phạm Tiến Vươn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt môn học
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá tốt
42	Nguyễn Thúy Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá
43	Tôn Nguyễn Thúy Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá
44	Nguyễn Lê Tường Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá tốt
45	Nguyễn Cao Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Ngoan, học khá

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thủy Dương, Nguyễn Thị Lệ Huyền

HĐTrN-HN														HỌC KỲ II														(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá												Ghi Chú																											
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)																																							
		Thường Xuyên						Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại																													
												Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)		Học kỳ	Cuối năm																										
1	Nguyễn Thị Lan Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.																											
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.																											
3	Nguyễn Ngọc Trần Châu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.																											
4	Lê Thị Thủy Dương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt.																											
5	Nguyễn Thị Thủy Dương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt.																											
6	Phạm Minh Giang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.																											
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.																											
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.																											
9	Trần Thị Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.																											
10	Trần Quan Hậu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.																											
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.																											
12	Nguyễn Thiên Huy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.																											
13	Nguyễn Hoàng Kha	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.																											
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.																											
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt.																											
16	Phan Thị Trúc Linh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt.																											
17	Nguyễn Chiến Long	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.																											
18	Nguyễn Nhật Long	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.																											
19	Nguyễn Kim Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.																											
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.																											
21	Bùi Hồng Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.																											
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.																											
23	Trần Trí Nhân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.																											
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.																											
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.																											
26	Lê Chí Tài	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.																											
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.																											
28	Lương Thị Hồng Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.																											
29	Trịnh Gia Thiệu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.																											
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.																											
31	Nguyễn Hữu Tiến	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt.																											
32	Trần Trường Tiến	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.																											
33	Kiểu Huế Trâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.																											
34	Đặng Văn Hữu Trọng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.																											
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.																											
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt.																											
37	Lê Quốc Tuấn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.																											
38	Phan Thanh Tuấn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.																											
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.																											
40	Phạm Tiến Vươn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.																											
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.																											
42	Nguyễn Thúy Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.																											
43	Tôn Nguyễn Thúy Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.																											
44	Nguyễn Lê Tường Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt.																											
45	Nguyễn Cao Như Ý	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt.																											
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.																											

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Đỗ Nguyễn Hoàng Thuý Vy

TỔNG HỢP HỌC KỲ II

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa Lý	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Giáo dục kinh tế và pháp		
1	Nguyễn Thị Lan Anh	Đ	Đ	Đ	6,7	8,9	9,6	8,0	8,6	8,1	6,3	8,3	9,1	K	T
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	Đ	Đ	Đ	8,7	9,0	9,8	9,2	9,7	9,5	8,2	8,6	9,4	T	T
3	Nguyễn Ngọc Trân Châu	Đ	Đ	Đ	9,2	8,4	9,1	9,0	9,1	9,3	8,7	9,4	9,1	T	T
4	Lê Thị Thùy Dương	Đ	Đ	Đ	7,7	8,4	7,9	7,9	8,9	6,3	8,3	9,0	9,0	K	T
5	Nguyễn Thị Thùy Dương	Đ	Đ	Đ	8,1	8,6	7,9	8,7	8,3	7,1	8,7	8,7	9,0	T	T
6	Phạm Minh Giang	Đ	Đ	Đ	8,5	8,1	7,8	7,5	8,8	8,2	8,6	8,3	8,8	T	T
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	Đ	Đ	Đ	7,3	7,5	8,6	8,2	8,4	7,7	7,1	7,9	8,7	K	T
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	Đ	Đ	Đ	6,8	7,4	6,8	8,0	8,5	6,0	5,7	8,1	8,7	K	T
9	Trần Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	7,4	8,1	7,5	7,9	7,9	6,7	6,9	8,0	8,8	K	T
10	Trần Quan Hậu	Đ	Đ	Đ	6,7	7,3	6,8	7,0	8,1	5,9	7,1	8,1	8,2	K	T
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	Đ	Đ	Đ	7,0	7,0	6,7	7,8	7,9	6,9	5,5	8,3	8,5	K	T
12	Nguyễn Thiên Huy	Đ	Đ	Đ	8,6	9,0	8,9	9,4	9,5	9,7	9,4	9,0	9,1	T	T
13	Nguyễn Hoàng Kha	Đ	Đ	Đ	8,4	7,7	8,2	8,4	7,7	7,2	6,2	8,3	8,7	K	T
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	Đ	Đ	Đ	7,1	6,9	6,6	7,1	7,9	6,6	6,5	8,1	8,9	K	T
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	Đ	Đ	Đ	6,3	7,4	8,6	8,7	9,6	6,1	7,7	7,4	8,5	K	T
16	Phan Thị Trúc Linh	Đ	Đ	Đ	5,9	7,6	9,1	8,2	8,0	7,4	6,3	8,0	8,7	K	T
17	Nguyễn Chiến Long	Đ	Đ	Đ	7,8	7,6	7,6	8,0	9,1	8,9	6,7	8,4	8,5	K	T
18	Nguyễn Nhật Long	Đ	Đ	Đ	7,1	7,9	7,8	8,0	8,6	7,6	8,0	8,1	8,4	K	T
19	Nguyễn Kim Ngân	Đ	Đ	Đ	6,1	7,4	7,8	8,1	8,5	7,2	5,5	8,1	8,9	K	T
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	Đ	Đ	Đ	6,7	7,8	8,9	8,1	8,6	7,9	6,1	7,6	8,3	K	T
21	Bùi Hồng Ngọc	Đ	Đ	Đ	7,9	8,4	8,9	8,6	9,2	7,7	7,5	8,6	8,6	T	T
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	Đ	Đ	Đ	8,3	7,8	8,8	8,8	9,1	8,2	7,2	8,7	8,5	T	T
23	Trần Trí Nhân	Đ	Đ	Đ	5,6	7,2	6,6	7,5	8,1	5,3	6,3	8,0	8,2	K	T
24	Vô Nguyễn Yến Nhi	Đ	Đ	Đ	7,3	8,7	9,1	7,6	8,5	7,6	5,3	7,9	9,1	K	T
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	Đ	Đ	Đ	8,8	9,1	7,4	9,0	8,6	8,1	9,1	9,3	9,1	T	T
26	Lê Chí Tài	Đ	Đ	Đ	8,6	9,4	9,2	8,7	9,3	8,9	9,1	8,4	9,0	T	T
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	Đ	Đ	Đ	7,3	7,4	6,9	7,1	7,4	6,4	7,6	7,4	7,8	K	K
28	Lương Thị Hồng Thảo	Đ	Đ	Đ	7,7	7,6	7,5	8,2	8,9	7,4	6,7	8,1	9,1	K	T
29	Trịnh Gia Thiệu	Đ	Đ	Đ	5,8	6,7	6,8	8,1	7,3	6,6	6,9	8,7	8,2	K	T
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	Đ	Đ	Đ	7,7	7,6	8,8	8,0	8,6	7,1	5,4	8,4	8,2	K	T
31	Nguyễn Hữu Tiến	Đ	Đ	Đ	6,2	7,0	7,4	7,4	7,8	6,1	5,8	7,9	9,0	K	T
32	Trần Trường Tiến	Đ	Đ	Đ	8,3	9,1	8,9	7,7	9,0	9,2	7,4	8,4	8,6	T	T
33	Kiều Huế Trâm	Đ	Đ	Đ	8,9	8,5	9,1	8,8	9,1	9,3	8,3	9,3	8,8	T	T
34	Đặng Văn Hữu Trọng	Đ	Đ	Đ	6,9	8,6	9,3	8,3	9,2	8,4	7,2	8,9	8,4	T	T
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Đ	Đ	Đ	8,2	8,5	8,4	8,2	9,2	7,9	7,2	9,0	8,5	T	T
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	Đ	Đ	Đ	8,3	9,2	8,9	8,4	8,6	9,1	7,6	8,6	9,1	T	T
37	Lê Quốc Tuấn	Đ	Đ	Đ	6,5	7,3	7,0	7,8	8,4	6,4	8,3	8,0	8,7	K	T
38	Phan Thanh Tuấn	Đ	Đ	Đ	7,2	8,1	7,2	7,4	8,7	6,1	6,7	8,4	9,1	K	T
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Đ	Đ	Đ	8,2	7,4	7,3	7,1	7,8	6,5	8,3	8,3	9,1	K	T
40	Phạm Tiến Vươn	Đ	Đ	Đ	9,1	9,6	10,0	9,0	9,8	9,5	9,3	8,6	9,0	T	T
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	Đ	Đ	Đ	7,1	7,8	7,9	8,4	8,6	8,3	6,2	8,7	8,1	K	T
42	Nguyễn Thúy Vy	Đ	Đ	Đ	6,4	7,3	7,3	7,5	8,2	7,4	7,9	8,7	9,1	K	T
43	Tôn Nguyễn Thúy Vy	Đ	Đ	Đ	6,5	7,0	7,9	8,1	8,6	5,9	8,1	7,9	8,8	K	T
44	Nguyễn Lê Tường Vy	Đ	Đ	Đ	8,7	8,6	9,1	8,6	9,2	8,5	9,3	9,0	9,1	T	T
45	Nguyễn Cao Như Ý	Đ	Đ	Đ	7,1	7,3	7,9	8,3	8,6	7,4	8,1	7,1	9,1	K	T
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	Đ	Đ	Đ	8,0	7,9	8,7	8,6	8,5	6,6	5,9	7,4	8,4	K	T

Giáo viên chủ nhiệm

Ký và ghi rõ họ tên

Nguyễn Trương Đăng Khoa

PHẦN GHI KẾT QUẢ

CUỐI NĂM HỌC

TỔNG HỢP CẢ NĂM HỌC

Số TT	Họ và tên	Mức đánh giá		Mức đánh giá sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè; kiểm tra, đánh giá lại		Tổng số buổi nghỉ học	Được lên lớp	Không được lên lớp	Khen thưởng	Tổng hợp chung
		Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập					
1	Nguyễn Thị Lan Anh	T	T			3	Lên lớp		Học sinh Giỏi	Tổng số học sinh: 46
2	Phan Hoàng Thiên Bảo	T	T			1	Lên lớp		Học sinh Xuất sắc	
3	Nguyễn Ngọc Trân Châu	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
4	Lê Thị Thùy Dương	T	K			1	Lên lớp			
5	Nguyễn Thị Thùy Dương	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	- Được lên lớp: 46 trong đó 0 học sinh Được lên lớp sau khi học tập, rèn luyện thêm trong hè.
6	Phạm Minh Giang	T	T			1	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
7	Phạm Thị Ngọc Giàu	T	K			3	Lên lớp			
8	Nguyễn Lưu Trúc Hà	T	K				Lên lớp			
9	Trần Thị Ngọc Hân	T	K				Lên lớp			- Không được lên lớp: 0
10	Trần Quan Hậu	T	K				Lên lớp			
11	Nguyễn Hoàng Gia Huy	T	K				Lên lớp			
12	Nguyễn Thiên Huy	T	T				Lên lớp		Học sinh Xuất sắc	
13	Nguyễn Hoàng Kha	T	K			1	Lên lớp			Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)
14	Nguyễn Văn Quý Khoa	T	K			1	Lên lớp			
15	Huỳnh Thị Trúc Linh	T	K			4	Lên lớp			
16	Phan Thị Trúc Linh	T	K			2	Lên lớp			
17	Nguyễn Chiến Long	T	T			3	Lên lớp		Học sinh Giỏi	Nguyễn Trương Đăng Khoa
18	Nguyễn Nhật Long	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
19	Nguyễn Kim Ngân	T	K			10	Lên lớp			
20	Phan Thị Tuyết Ngân Ngân	T	K			6	Lên lớp			
21	Bùi Hồng Ngọc	T	T			2	Lên lớp		Học sinh Giỏi	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
22	Lưu Nguyễn Tuyết Ngọc	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
23	Trần Trí Nhân	T	K			4	Lên lớp			
24	Võ Nguyễn Yến Nhi	T	K			11	Lên lớp			
25	Nguyễn Trần Như Quỳnh	T	T			1	Lên lớp		Học sinh Giỏi	Nguyễn Minh Triều
26	Lê Chí Tài	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
27	Trần Nguyễn Tuấn Tài	K	K			2	Lên lớp			
28	Lương Thị Hồng Thảo	T	K			2	Lên lớp			
29	Trịnh Gia Thiều	T	K				Lên lớp			
30	Lê Nguyễn Thảo Tiên	T	K			5	Lên lớp			
31	Nguyễn Hữu Tiến	T	K				Lên lớp			
32	Trần Trường Tiến	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
33	Kiều Huế Trâm	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
34	Đặng Văn Hữu Trọng	T	T			4	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
35	Nguyễn Thị Thanh Trúc	T	T			3	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
36	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	T	T			4	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
37	Lê Quốc Tuấn	T	K				Lên lớp			
38	Phan Thanh Tuấn	T	K				Lên lớp			
39	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	T	K			2	Lên lớp			
40	Phạm Tiến Vươn	T	T				Lên lớp		Học sinh Xuất sắc	
41	Nguyễn Ngọc Phương Vy	T	T			8	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
42	Nguyễn Thúy Vy	T	K			5	Lên lớp			
43	Tôn Nguyễn Thúy Vy	T	K				Lên lớp			
44	Nguyễn Lê Tường Vy	T	T			9	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
45	Nguyễn Cao Như Ý	T	K				Lên lớp			
46	Nguyễn Thị Cẩm Yến	T	K			5	Lên lớp			

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG
VỀ SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 9		Nguyễn Minh Triều
Tháng 10		Nguyễn Minh Triều
Tháng 11		Nguyễn Minh Triều
Tháng 12		Nguyễn Minh Triều
Tháng 1		Nguyễn Minh Triều

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG VỀ
SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 2		Nguyễn Minh Triều
Tháng 3		Nguyễn Minh Triều
Tháng 4		Nguyễn Minh Triều
Tháng 5		Nguyễn Minh Triều